

QUY TẮC BẢO HIỂM TỰ NGUYỆN XE Ô TÔ

(Ban hành theo Quyết định số: 3090/2018/QĐ-TGD ngày 24 tháng 12 năm 2018 của Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Bảo hiểm Bảo Long)

Quy tắc bảo hiểm tự nguyện ô tô áp dụng cho các nghiệp vụ bảo hiểm xe ô tô của Tổng Công ty Cổ phần Bảo hiểm Bảo Long (sau đây gọi tắt là “Bảo Long”) đã được Bên mua bảo hiểm lựa chọn và tự nguyện tham gia bảo hiểm.

Trên cơ sở yêu cầu, lựa chọn loại hình bảo hiểm và nộp phí bảo hiểm theo đúng quy định, Bảo Long nhận bảo hiểm xe ô tô theo các điều kiện quy định trong Quy tắc này, bao gồm một số hay toàn bộ các loại hình bảo hiểm sau:

- Bảo hiểm vật chất xe ô tô;
- Bảo hiểm trách nhiệm dân sự của Chủ xe;
- Bảo hiểm tai nạn lái, phụ xe và người ngồi trên xe;
- Các điều khoản bổ sung bảo hiểm xe ô tô.

PHẦN I. GIẢI THÍCH TỪ NGỮ

“**Quy tắc bảo hiểm tự nguyện xe ô tô**” là văn bản quy định các điều kiện, điều khoản bảo hiểm tự nguyện xe ô tô của Bảo Long ban hành, là căn cứ pháp lý để giải quyết bồi thường khi có tổn thất thuộc phạm vi bảo hiểm xảy ra đối với xe tham gia bảo hiểm tại Bảo Long. Quy tắc bảo hiểm tự nguyện xe ô tô được đăng tải trên website www.baolonginsurance.com.vn.

“**Bảo Long**” là Tổng Công ty Cổ Phần Bảo hiểm Bảo Long/Các đơn vị thành viên trực thuộc Tổng Công ty Cổ phần Bảo hiểm Bảo Long.

“**Bên mua bảo hiểm**” là cá nhân, tổ chức giao kết Hợp đồng bảo hiểm với Bảo Long và đóng phí bảo hiểm. Bên mua bảo hiểm có thể đồng thời là Người được bảo hiểm.

“**Người được bảo hiểm**” là cá nhân, tổ chức là chủ sở hữu xe ô tô hoặc người được chủ sở hữu xe ô tô ủy quyền, giao quyền hợp pháp để thực hiện tất cả các quyền của chủ sở hữu.

“**Hành khách**” là người được chở trên xe theo hợp đồng vận chuyển hành khách thuộc các hình thức quy định trong Bộ luật Dân sự.

“**Bên thứ ba**” là người bị thiệt hại về thân thể, tính mạng, tài sản do xe ô tô gây ra, trừ những người sau:

- (i). Lái xe, phụ xe trên chính chiếc xe đó.
- (ii). Người trên xe và hành khách trên chính chiếc xe đó.
- (iii). Chủ sở hữu xe trừ trường hợp chủ sở hữu đã giao cho tổ chức, cá nhân khác chiếm hữu, sử dụng chiếc xe đó.

“**Chủ xe**” (tổ chức, cá nhân) là chủ sở hữu xe ô tô hoặc được chủ sở hữu xe ô tô giao chiếm hữu, sử dụng hợp pháp, điều khiển xe ô tô.

“**Xe ô tô**” là loại phương tiện giao thông đường bộ chạy bằng động cơ có từ bốn bánh trở lên, không chạy trên đường ray và thường được dùng để chở người và/hoặc hàng hóa, kéo các rơ moóc, sơ mi rơ moóc hoặc thực hiện chức năng, công dụng đặc biệt, bao gồm xe ô tô con, xe bán tải, xe tải, xe khách, xe buýt, xe ô tô chuyên dùng và một số loại xe khác theo TCVN.

“**Xe ô tô chuyên dùng**” là xe ô tô có kết cấu và trang bị để thực hiện một chức năng công dụng đặc biệt, bao gồm: ô tô quét đường; ô tô hút chất thải; ô tô trộn vữa; ô tô trộn bê tông; ô tô cần cẩu; ô tô thang; ô tô khoan; ô tô cứu hộ giao thông; ô tô chuyên dùng khác như ô tô truyền hình lưu động; ô tô đo sóng truyền hình lưu động; ô tô kiểm tra và bảo dưỡng cầu; ô tô kiểm tra cáp điện ngầm; ô tô chụp X- quang, ô tô phẫu thuật lưu động, ô tô cứu thương, ô tô chuyển tiền, xe tang lễ,... và các loại xe ô tô chuyên dùng khác theo quy định của pháp luật.

“**Thiết bị chuyên dùng**” là các thiết bị được lắp trên xe ô tô chuyên dùng hoặc lắp thêm trên xe ô tô để thực hiện một chức năng công dụng đặc biệt và được chấp thuận bởi các cơ quan chức năng có thẩm quyền.

“**Giá trị thị trường**” của xe là giá mua bán trung bình của chiếc xe tương tự cùng chủng loại, cùng hãng xe (brand), cùng mẫu xe (model), cùng năm sản xuất, cùng số km lăn bánh, cùng mục đích sử dụng được chào bán trên thị trường tại cùng địa điểm và thời gian xác định giá trị xe.

“**Số tiền bảo hiểm**” là số tiền mà Người được bảo hiểm yêu cầu Bảo Long bảo hiểm và được ghi trên Hợp đồng bảo hiểm.

“**Thời gian sử dụng xe**” là khoảng thời gian tính từ tháng đăng ký lần đầu tại Việt Nam đến tháng giao kết Hợp đồng bảo hiểm đối với xe sản xuất trong nước. Đối với xe nhập khẩu đã qua sử dụng ở nước ngoài thì thời gian sử dụng tính từ tháng một của năm sản xuất đến tháng giao kết Hợp đồng bảo hiểm.

“**Mục đích sử dụng**” của xe được bảo hiểm bao gồm: “Kinh doanh” và “Không kinh doanh”. Xe có mục đích “Kinh doanh” là xe được ghi nhận là xe “Kinh doanh vận tải” trong Giấy chứng nhận kiểm định và/hoặc việc sử dụng xe tạo ra thu nhập trực tiếp cho Người được bảo hiểm. Xe “Không kinh doanh” là các xe không phải là xe “Kinh doanh”.

“**Thu nhập trực tiếp**” là thu nhập của Người được bảo hiểm phát sinh từ việc khai thác, sử dụng xe để cho thuê xe, làm dịch vụ vận tải thông qua phần mềm,... và các hoạt động khác đem lại thu nhập cho Người được bảo hiểm đối với xe có mục đích sử dụng trong Giấy chứng nhận kiểm định là “Không kinh doanh vận tải”.

“**Giấy yêu cầu bảo hiểm**” là văn bản phát hành theo mẫu của Bảo Long và là bộ phận cấu thành Hợp đồng bảo hiểm để Bên mua bảo hiểm yêu cầu bảo hiểm và giao kết Hợp đồng bảo hiểm. Khi yêu cầu bảo hiểm, Người được bảo hiểm phải kê khai đầy đủ và chịu trách nhiệm về tính trung thực những nội dung trong Giấy yêu cầu bảo hiểm.

“**Bản chào phí**” là văn bản được phát hành theo mẫu của Bảo Long để đề xuất phí bảo hiểm tương ứng với các quyền lợi, phạm vi bảo hiểm, thời hạn bảo hiểm,... được tóm tắt đính kèm.

“**Giấy chứng nhận bảo hiểm**” là bằng chứng việc giao kết Hợp đồng bảo hiểm giữa Bảo Long và Người được bảo hiểm, do Bảo Long phát hành cho xe được bảo hiểm trên cơ sở yêu cầu bảo hiểm của Người được bảo hiểm.

“**Sửa đổi bổ sung**” là bộ phận không tách rời của Hợp đồng bảo hiểm do Bảo Long phát hành bằng văn bản cho Người được bảo hiểm nhằm xác nhận các thay đổi về nội dung của Hợp đồng bảo hiểm đã giao kết trước đó trên cơ sở chấp thuận các yêu cầu sửa đổi, bổ sung của Người được bảo hiểm hoặc theo thỏa thuận của các bên hoặc theo quy định của pháp luật.

“**Tai nạn**” là bất kỳ sự kiện bất ngờ hay không lường trước, gây ra bởi một lực từ bên ngoài, mạnh và có thể nhìn thấy được, xảy ra trong thời hạn bảo hiểm, là nguyên nhân trực tiếp dẫn đến thương tật thân thể hoặc chết cho Người được bảo hiểm và xảy ra ngoài sự kiểm soát của Người được bảo hiểm.

“**Các điều khoản bổ sung**” là các điều khoản mở rộng hoặc thu hẹp phạm vi bảo hiểm được quy định trong Hợp đồng bảo hiểm.

PHẦN II. QUY ĐỊNH CHUNG

1. Hợp đồng bảo hiểm

Hợp đồng bảo hiểm là sự thoả thuận được giao kết giữa Bên mua bảo hiểm và Bảo Long, theo đó Bên mua bảo hiểm phải đóng phí bảo hiểm đầy đủ và đúng hạn theo quy định, Bảo Long bồi thường cho Người được bảo hiểm khi xảy ra sự kiện thuộc phạm vi và trách nhiệm bảo hiểm.

Hợp đồng bảo hiểm xác định đã được giao kết trong các trường hợp sau:

- 1.1 Hai bên đã ký kết Hợp đồng bảo hiểm; hoặc
- 1.2 Bên mua bảo hiểm đã ký Giấy yêu cầu bảo hiểm và chuyển giao cho Bảo Long; hoặc
- 1.3 Bên mua bảo hiểm đã ký xác nhận vào Bản chào phí.

Với điều kiện là trong mọi trường hợp:

- a) Bên mua bảo hiểm phải đóng phí bảo hiểm đầy đủ và đúng hạn theo quy định; và
- b) Bảo Long đã phát hành và cung cấp Giấy chứng nhận bảo hiểm cho Bên mua bảo hiểm.

2. Thời hạn bảo hiểm

- 2.1. Thời hạn bảo hiểm được tính từ 23:00 ngày bắt đầu đến 23:00 ngày kết thúc được ghi trên Hợp đồng bảo hiểm.

2.2. Trong thời hạn còn hiệu lực bảo hiểm, nếu có sự chuyển quyền sở hữu xe ô tô theo quy định thì mọi quyền lợi bảo hiểm của chủ xe cũ vẫn còn hiệu lực đối với chủ xe mới trừ trường hợp chủ xe cũ yêu cầu chấm dứt Hợp đồng bảo hiểm trước khi chuyển quyền sở hữu.

3. Chấm dứt Hợp đồng bảo hiểm

3.1. Hợp đồng bảo hiểm sẽ tự động chấm dứt trong trường hợp phí bảo hiểm không được đóng đầy đủ hoặc không đúng hạn theo quy định (trừ khi có thỏa thuận cho nợ phí với điều kiện có tài sản bảo đảm hoặc bảo lãnh thanh toán phí bảo hiểm).

3.2. Đơn phương chấm dứt Hợp đồng bảo hiểm trước hạn

a) Trong thời hạn bảo hiểm, một trong hai bên có quyền đơn phương chấm dứt Hợp đồng bảo hiểm trước hạn theo quy định bằng cách thông báo bằng văn bản cho bên kia trước thời điểm chấm dứt tối thiểu 15 ngày làm việc.

b) Trường hợp Người được bảo hiểm yêu cầu chấm dứt Hợp đồng bảo hiểm trước hạn, trong thời hạn tối đa 15 ngày làm việc kể từ ngày chấm dứt Hợp đồng bảo hiểm, Bảo Long phải hoàn lại cho Người được bảo hiểm 70% phí bảo hiểm tương ứng với thời gian còn lại của Hợp đồng bảo hiểm. Bảo Long không phải hoàn phí bảo hiểm trong trường hợp đã xảy ra sự kiện bảo hiểm.

c) Trường hợp Bảo Long đơn phương chấm dứt Hợp đồng bảo hiểm, trong thời hạn tối đa 15 ngày làm việc kể từ ngày Bảo Long thông báo bằng văn bản cho Người được bảo hiểm, Bảo Long phải hoàn lại 100% phí bảo hiểm cho Người được bảo hiểm tương ứng với thời gian còn lại của Hợp đồng bảo hiểm.

4. Nghĩa vụ của Người được bảo hiểm, Người điều khiển xe

4.1. Người được bảo hiểm đọc kỹ Quy tắc, điều khoản để biết được quyền lợi và nghĩa vụ của mình khi tham gia bảo hiểm được đăng tải trên website www.baolonginsurance.com.vn hoặc được Bảo Long cung cấp khi Người được bảo hiểm có yêu cầu.

4.2. Khi yêu cầu bảo hiểm, Người được bảo hiểm hoặc người được chủ xe ủy quyền hợp pháp phải kê khai đầy đủ, trung thực về tình trạng xe và những nội dung trong Giấy yêu cầu bảo hiểm.

4.3. Trường hợp thay đổi mức độ rủi ro được bảo hiểm (thay đổi mục đích sử dụng, thay đổi kết cấu của xe,...), Người được bảo hiểm có nghĩa vụ thông báo cho Bảo Long trước thời điểm thay đổi tối thiểu 15 ngày làm việc.

- a) Khi có sự thay đổi mức độ rủi ro dẫn đến giảm các rủi ro được bảo hiểm thì Người được bảo hiểm có quyền yêu cầu Bảo Long giảm phí bảo hiểm cho thời gian còn lại của Hợp đồng bảo hiểm. Trong vòng 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được văn bản, yêu cầu giảm phí của Người được bảo hiểm, Bảo Long phải có văn bản trả lời Người được bảo hiểm về việc chấp thuận việc giảm phí và thời gian hoàn phí được giảm. Trong trường hợp Bảo Long không chấp thuận giảm phí bảo hiểm thì Người được bảo hiểm có quyền đơn phương đình chỉ thực hiện Hợp đồng bảo hiểm, nhưng phải thông báo ngay bằng văn bản cho Bảo Long.
- b) Khi có sự thay đổi mức độ rủi ro dẫn đến tăng các rủi ro được bảo hiểm thì:
 - (i). Hợp đồng bảo hiểm chỉ tiếp tục có hiệu lực khi được Bảo Long chấp thuận bằng văn bản dưới hình thức phát hành Sửa đổi bổ sung và Người được bảo hiểm đã đóng đầy đủ và đúng hạn phí bảo hiểm bổ sung.
 - (ii). Nếu Bảo Long không chấp thuận sự thay đổi mức độ rủi ro nói trên thì Bảo Long được quyền đơn phương đình chỉ thực hiện Hợp đồng bảo hiểm, nhưng phải thông báo ngay bằng văn bản cho Người được bảo hiểm.

4.4. Tuân thủ các quy định của pháp luật về giao thông đường bộ.

4.5. Khi xảy ra tổn thất, Người được bảo hiểm/Người điều khiển xe phải có nghĩa vụ:

- a) Thông báo ngay lập tức cho Bảo Long qua hệ thống Trung tâm Chăm sóc Khách hàng (Call center) theo số điện thoại được in trên Giấy chứng nhận bảo hiểm để được phối hợp giải quyết, đồng thời thông báo cho cơ quan Công an hoặc chính quyền địa phương nơi gần nhất (trừ trường hợp bất khả kháng).
- b) Người được bảo hiểm phải điền đầy đủ thông tin vào giấy “Thông báo tai nạn và Yêu cầu bồi thường” theo mẫu của Bảo Long. Giấy “Thông báo tai nạn và Yêu cầu bồi thường” là tài liệu phải có trong hồ sơ giải quyết bồi thường.
- c) Không được di chuyển, tháo gỡ hoặc sửa chữa tài sản khi chưa có ý kiến chấp thuận của Bảo Long; trừ trường hợp cần thiết để đảm bảo an toàn, đề phòng hạn chế thiệt hại về người và tài sản hoặc phải thi hành theo yêu cầu của cơ quan có thẩm quyền.

4.6. Người được bảo hiểm phải trung thực trong việc thu thập, cung cấp các thông tin, tài liệu, chứng từ trong hồ sơ bồi thường và tạo điều kiện thuận lợi cho Bảo Long trong quá trình xác minh tính chân thực của các thông tin, tài liệu, chứng từ đó.

- 4.7. Người được bảo hiểm/Người điều khiển xe có nghĩa vụ tham gia chứng kiến việc giám định và ký xác nhận vào Biên bản giám định.
- 4.8. Trường hợp tổn thất xảy ra có liên quan đến trách nhiệm của Người thứ ba, Người được bảo hiểm phải thực hiện đúng theo các hướng dẫn của Bảo Long để bảo lưu quyền khiếu nại và chuyển quyền đòi bồi thường cho Bảo Long kèm theo toàn bộ các căn cứ, hồ sơ, tài liệu, chứng từ cần thiết và hợp tác chặt chẽ với Bảo Long để truy đòi đối với Người thứ ba trong phạm vi số tiền đã hoặc sẽ được Bảo Long bồi thường.
- 4.9. Đối với các bộ phận bị thiệt hại của xe cần phải thay thế đã được Bảo Long chấp thuận, Người được bảo hiểm sau khi thực hiện xong công việc thay thế phải có nghĩa vụ bàn giao bộ phận đã bị thay thế cho Bảo Long.
- 4.10. Khi xe ô tô bị mất trộm/mất cướp toàn bộ, Người được bảo hiểm phải thông báo ngay lập tức cho cơ quan Công an và Bảo Long được biết để phối hợp xử lý và thực hiện các công việc theo hướng dẫn của cơ quan Công an và Bảo Long.

Nếu Người được bảo hiểm hoặc Người điều khiển xe không thực hiện đầy đủ các nghĩa vụ quy định tại **Mục 4 Phần II** của Quy tắc này, Bảo Long có thể giảm trừ một phần hoặc toàn bộ số tiền bồi thường.

5. Nghĩa vụ của Bảo Long

- 5.1. Cung cấp và giải thích cho Người được bảo hiểm các thông tin nội dung về Quy tắc, điều khoản; quyền lợi và nghĩa vụ của Người được bảo hiểm/Người điều khiển xe khi tham gia bảo hiểm thông qua website www.baolonginsurance.com.vn hoặc cung cấp Quy tắc này cho Người được bảo hiểm khi có yêu cầu.
- 5.2. Quyết định về việc giải quyết bồi thường và trả tiền bồi thường:
 - a) Trong vòng 15 ngày làm việc kể từ khi nhận được hồ sơ yêu cầu bồi thường đầy đủ, hợp lệ;
 - b) Không quá 30 ngày làm việc trong trường hợp Bảo Long phải tiến hành xác minh hồ sơ;
 - c) Trong trường hợp Bảo Long không đủ thẩm quyền để xác minh hồ sơ thì hồ sơ bồi thường được coi là đầy đủ và hợp lệ sau khi có kết luận chính thức của cơ quan chức năng có thẩm quyền;
 - d) Trong trường hợp quá 90 ngày kể từ ngày Bảo Long có văn bản đề nghị cơ quan chức năng có thẩm quyền tiến hành xác minh mà chưa có kết quả xác minh thì Bảo Long phải chủ động tiến hành xác minh, xem xét quyết định về việc giải quyết bồi thường trên cơ sở tài liệu, chứng cứ thu thập được.
- 5.3. Trường hợp từ chối bồi thường, Bảo Long phải phát hành văn bản và nêu rõ lý do từ chối bồi thường.

- 5.4. Phối hợp chặt chẽ với Người được bảo hiểm/Người điều khiển xe và cơ quan chức năng để giải quyết tổn thất.
- 5.5. Đối với những vụ tổn thất nghiêm trọng hoặc đặc biệt nghiêm trọng, khi có yêu cầu của Người được bảo hiểm/Người điều khiển xe, Bảo Long sẽ phối hợp giải quyết ngay và khi đã xác định trách nhiệm thuộc phạm vi bảo hiểm có thể tạm ứng ngay một phần những chi phí cần thiết nhằm khắc phục hậu quả tổn thất.
- 5.6. Thông báo Người được bảo hiểm tiến hành sửa chữa sau khi Người được bảo hiểm đã khai báo tổn thất và đã được Bảo Long giám định thiệt hại chi tiết.
- 5.7. Hướng dẫn Người được bảo hiểm/Người điều khiển xe thu thập tài liệu để lập hồ sơ bồi thường theo quy định tại **Mục 7 Phần II** Quy tắc này.

6. Giám định tổn thất

- 6.1. Khi xảy ra tổn thất, Bảo Long hoặc người được Bảo Long chỉ định sẽ tiến hành giám định các tổn thất về tài sản với sự có mặt của Người được bảo hiểm/Người điều khiển xe, các bên có liên quan hoặc người đại diện hợp pháp của các bên có liên quan nhằm xác định nguyên nhân và mức độ tổn thất. Kết quả giám định phải lập thành văn bản có chữ ký của các bên liên quan. Bảo Long chịu trách nhiệm về chi phí giám định.
- 6.2. Trường hợp Người được bảo hiểm/Người điều khiển xe không thống nhất về nguyên nhân và mức độ thiệt hại do Bảo Long xác định, hai bên thỏa thuận chọn cơ quan giám định độc lập thực hiện việc giám định. Trong trường hợp các bên không thỏa thuận được việc trưng cầu giám định độc lập thì một trong các bên được yêu cầu Tòa án nơi xảy ra tổn thất hoặc nơi cư trú của người được bảo hiểm chỉ định giám định viên độc lập. Kết luận bằng văn bản của giám định độc lập có giá trị bắt buộc đối với các bên.
- 6.3. Trường hợp kết luận của giám định độc lập khác với kết luận giám định của Bảo Long mà Bảo Long phải chịu trách nhiệm bồi thường theo Quy tắc này thì Bảo Long phải trả chi phí giám định độc lập. Trường hợp kết luận của giám định độc lập trùng với kết luận giám định của Bảo Long, Người được bảo hiểm phải trả chi phí giám định độc lập.
- 6.4. Trong trường hợp đặc biệt, Bảo Long không thể thực hiện được việc giám định thì Bảo Long có trách nhiệm hướng dẫn Người được bảo hiểm/Người điều khiển xe thu thập và cung cấp đầy đủ thông tin chi tiết về nguyên nhân, diễn biến, mức độ thiệt hại cùng hình ảnh, các chứng từ và tài liệu liên quan để làm căn cứ giải quyết bồi thường.

7. Hồ sơ bồi thường

Đối với từng sự kiện cụ thể thì Hồ sơ bồi thường bao gồm một hoặc nhiều loại tài liệu sau:

- 7.1. Tài liệu do Người được bảo hiểm cung cấp:

- a) Thông báo tai nạn và yêu cầu bồi thường của Người được bảo hiểm (theo mẫu của Bảo Long);
- b) Giấy chứng nhận bảo hiểm và/hoặc Hợp đồng bảo hiểm và các thỏa thuận khác bằng văn bản (nếu có);
- c) Tài liệu liên quan đến xe, Người điều khiển xe (bản sao có xác nhận của cơ quan có thẩm quyền hoặc bản photocopy có xác nhận của nhân viên Bảo Long sau khi đã đối chiếu với bản chính) như sau:
 - (i). Giấy đăng ký xe, Giấy phép lái xe hợp lệ của Người điều khiển xe bị tai nạn;
 - (ii). Giấy chứng nhận kiểm định an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường phương tiện giao thông cơ giới đường bộ hợp lệ (trừ trường hợp xe lưu hành tạm thời có văn bản chấp thuận của cơ quan có thẩm quyền);
 - (iii). Các giấy tờ liên quan đến mua bán, chuyển nhượng, cho, tặng, thuê, cho thuê tài chính, uỷ quyền sử dụng xe (nếu có).
- d) Tài liệu chứng minh thiệt hại về tài sản, bao gồm:
 - (i). Hóa đơn, chứng từ hợp lệ về việc sửa chữa, thay mới tài sản bị thiệt hại;
 - (ii). Các giấy tờ chứng minh chi phí cần thiết và hợp lý mà Người được bảo hiểm/Người điều khiển xe đã chi ra để giảm thiểu tổn thất hay để thực hiện theo chỉ dẫn của Bảo Long.
- e) Tài liệu chứng minh thiệt hại về hàng hóa vận chuyển trên xe:
 - (i). Hợp đồng vận chuyển, hoá đơn mua bán hàng hóa, phiếu xuất kho, phiếu nhập kho;
 - (ii). Biên bản giao nhận hàng hoá ghi rõ khối lượng số lượng hàng hoá, biên bản xác định tổn thất giữa chủ hàng và chủ xe,...
- f) Tài liệu chứng minh thiệt hại về người:
 - (i). Giấy ra viện, bệnh án, giấy chứng nhận tỷ lệ thương tật do cấp có thẩm quyền xác nhận, các chứng từ bệnh viện khác...;
 - (ii). Giấy chứng tử, chứng từ chứng minh quyền thừa kế hợp pháp. Giấy uỷ quyền hợp pháp trong trường hợp uỷ quyền.
- g) Biên bản thỏa thuận/hòa giải (trong trường hợp hòa giải);
- h) Bản án hoặc Quyết định có hiệu lực của Tòa án (nếu có);
- i) Các tài liệu cần thiết để chuyển quyền cho Bảo Long truy đòi bồi thường đối với bên gây ra thiệt hại cho xe được bảo hiểm mà Người được bảo hiểm được Bảo Long đã hoặc sẽ giải quyết bồi thường thiệt hại này.

7.2. Tài liệu do Bảo Long phối hợp với Người được bảo hiểm để thu thập:

- a) Bản sao có xác nhận của cơ quan Công an trong trường hợp tai nạn có sự tham gia giải quyết của cơ quan Công an, bao gồm:
 - (i). Biên bản khám nghiệm hiện trường vụ tai nạn (nếu có);
 - (ii). Sơ đồ hiện trường tai nạn, bản ảnh (nếu có);
 - (iii). Biên bản khám nghiệm phương tiện liên quan đến tai nạn (nếu có);
 - (iv). Thông báo sơ bộ kết quả điều tra ban đầu vụ tai nạn (nếu có);
 - (v). Biên bản giải quyết tai nạn (nếu có); Bản kết luận điều tra tai nạn (nếu có).
- b) Các tài liệu liên quan đến trách nhiệm của người thứ ba (nếu có).

7.3. Biên bản giám định chi tiết thiệt hại được các bên thống nhất. Trường hợp xe bị mất trộm/mất cướp toàn bộ, Người được bảo hiểm cung cấp:

- a) Đơn trình báo mất trộm, mất cướp với cơ quan Công an có xác nhận của cơ quan Công an;
- b) Quyết định khởi tố và điều tra hình sự (nếu có) liên quan đến mất trộm, mất cướp ô tô được bảo hiểm;
- c) Quyết định đình chỉ điều tra, đình chỉ khởi tố vụ án hình sự liên quan đến mất trộm, mất cướp ô tô được bảo hiểm (nếu có);
- d) Khai báo bị mất giấy tờ, tài liệu liên quan đến xe bị mất cắp, mất cướp khi để trên xe có xác nhận của cơ quan Công an.

7.4. Các tài liệu khác có liên quan (nếu có).

8. Những điểm loại trừ chung

Bảo Long không chịu trách nhiệm bồi thường thiệt hại trong các trường hợp sau:

- a) Hành động cố ý gây thiệt hại của Người được bảo hiểm, Người điều khiển xe và những người có quyền lợi liên quan đến sở hữu, khai thác và sử dụng xe.
- b) Tại thời điểm xe tham gia giao thông xảy ra tổn thất, không có Giấy chứng nhận kiểm định an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường phương tiện giao thông cơ giới đường bộ hợp lệ theo quy định của pháp luật hiện hành (trừ trường hợp Bên mua bảo hiểm có nhu cầu tham gia bảo hiểm điều khoản bảo hiểm bổ sung và đóng phí bảo hiểm bổ sung).
- c) Người điều khiển xe không có Giấy phép lái xe hoặc Giấy phép lái xe không phù hợp đối với loại xe cơ giới bắt buộc phải có Giấy phép lái xe. Trường hợp Người điều khiển xe tham gia giao thông trong thời hạn bị tước quyền sử dụng Giấy phép lái xe thì bị xác định là không có Giấy phép lái xe. Người điều khiển xe cũng bị xác định là không có Giấy phép lái xe nếu:
 - (i). Bị tạm giữ Giấy phép lái xe theo Biên bản vi phạm hành chính; và
 - (ii). Không chấp hành việc nộp phạt sau khi hết thời hạn nộp phạt; và

- (iii). Tham gia giao thông khi quá thời hạn nộp phạt được ghi trên Biên bản vi phạm hành chính.
- d) Người điều khiển xe trong tình trạng có nồng độ cồn trong máu hoặc khí thở, sử dụng ma túy và chất kích thích bị cấm theo quy định của pháp luật.
- e) Đua xe (hợp pháp hoặc trái phép); chạy thử sau khi sửa chữa; xe được bảo hiểm dùng để kéo xe khác không tuân thủ quy định của pháp luật.
- f) Tổn thất xảy ra ngoài lãnh thổ nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam (trừ trường hợp Bên mua bảo hiểm có nhu cầu tham gia bảo hiểm điều khoản bảo hiểm bổ sung và đóng phí bảo hiểm bổ sung).
- g) Tổn thất xảy ra trong trường hợp: Chiến tranh, khủng bố, nội chiến, bạo động, đình công.
- h) Thiệt hại mang yếu tố tinh thần, thiệt hại không do tai nạn trực tiếp gây ra.
- i) Tổn thất do hao mòn tự nhiên hoặc do bản chất vốn có của xe, hỏng hóc do khuyết tật hoặc hỏng hóc thêm do sửa chữa, hỏng hóc trong quá trình sửa chữa (bao gồm cả chạy thử), các thiệt hại gián tiếp như giảm giá trị thương mại, ngừng sản xuất, thiệt hại gắn liền với việc sử dụng và khai thác xe.
- j) Vận chuyển hàng hóa trái phép theo quy định của pháp luật hoặc không thực hiện đầy đủ các quy định về vận chuyển, xếp dỡ hàng hóa.
- k) Xe đi vào đường cấm, khu vực cấm, đường ngược chiều, rẽ, quay đầu tại nơi bị cấm, vượt đèn đỏ hoặc không chấp hành theo hiệu lệnh của người điều khiển giao thông, xe đi đêm không có thiết bị chiếu sáng theo quy định.
- l) Xe chở quá 50% trọng tải được phép chở (đối với xe chở hàng), chở quá 50% số người được phép chở (đối với xe chở người, không bao gồm trẻ em dưới 07 tuổi) theo quy định cho phép trên Giấy chứng nhận kiểm định an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường phương tiện giao thông cơ giới đường bộ; Xe chạy quá tốc độ vượt trên 50% tốc độ cho phép theo quy định của cơ quan nhà nước có thẩm quyền.
- m) Bảo Long không chịu trách nhiệm bồi thường thiệt hại đối với tài sản đặc biệt bao gồm: vàng bạc; đá quý; tiền; các loại giấy tờ có giá trị như tiền; đồ cổ; tranh ảnh quý hiếm; thi hài; hài cốt.

Không áp dụng loại trừ quy định tại mục i, j, k, l, m nêu trên đối với **Phần V** Quy tắc này.

9. Bảo hiểm trùng

Hợp đồng bảo hiểm trùng là trường hợp Bên mua bảo hiểm giao kết hợp đồng bảo hiểm với hai doanh nghiệp bảo hiểm trở lên để bảo hiểm cho cùng một đối tượng, với

cùng điều kiện và sự kiện bảo hiểm. Khi có bảo hiểm trùng, việc giải quyết bồi thường thực hiện theo nguyên tắc sau:

- a) Đối với những điều kiện bảo hiểm có trùng nhau của các hợp đồng bảo hiểm: Bảo Long chỉ chịu trách nhiệm bồi thường theo tỷ lệ giữa số tiền bảo hiểm đã thỏa thuận trên tổng số tiền bảo hiểm của tất cả các hợp đồng bảo hiểm mà Người được bảo hiểm đã tham gia bảo hiểm.
- b) Đối với những điều kiện bảo hiểm không trùng nhau của các hợp đồng bảo hiểm, Bảo Long chịu trách nhiệm bồi thường theo từng hợp đồng bảo hiểm đã ký kết.
- c) Bảo hiểm trùng không áp dụng đối với bảo hiểm tai nạn lái, phụ xe và người ngồi trên xe ô tô.

10. Thời hạn yêu cầu bồi thường, khiếu nại và thời hiệu khởi kiện

10.1. Thời hạn yêu cầu bồi thường là 01 năm kể từ ngày xảy ra sự kiện bảo hiểm. Khi xảy ra sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan thì khoảng thời gian này không được tính vào thời hạn yêu cầu bồi thường.

10.2. Thời hạn khiếu nại về quyết định bồi thường của Bảo Long là 30 ngày kể từ ngày Người được bảo hiểm nhận được thông báo bồi thường của Bảo Long. Quá thời hạn nêu trên, Bảo Long sẽ không giải quyết khiếu nại, trừ trường hợp bất khả kháng khác theo quy định của pháp luật.

10.3. Thời hiệu khởi kiện về Hợp đồng bảo hiểm là 03 năm kể từ thời điểm phát sinh tranh chấp từ Hợp đồng bảo hiểm.

10.4. Khi phát sinh tranh chấp từ Hợp đồng bảo hiểm, Bảo Long và Người được bảo hiểm sẽ tiến hành thương lượng để giải quyết. Nếu không thống nhất, một trong hai bên có quyền đưa ra Cơ quan chức năng có thẩm quyền để giải quyết.

11. Sửa đổi bổ sung của Hợp đồng bảo hiểm

Sửa đổi bổ sung chỉ được phát hành trong thời hạn hiệu lực của Hợp đồng bảo hiểm.

Khi Bảo Long phát hành Sửa đổi bổ sung, Người được bảo hiểm phải đóng phí bảo hiểm bổ sung (nếu có) trong thời hạn thỏa thuận hoặc theo quy định của pháp luật.

12. Phí bảo hiểm

Phí bảo hiểm được quy định theo Biểu phí của Bảo Long đang có hiệu lực tại thời điểm giao kết Hợp đồng bảo hiểm.

Đối với trường hợp thanh toán phí bảo hiểm theo kỳ quy định: Bảo Long phải đảm bảo việc đốc thúc Người được bảo hiểm thanh toán phí bảo hiểm đúng kỳ hạn. Hợp đồng bảo hiểm chỉ phát sinh hiệu lực khi Người được bảo hiểm đảm bảo việc thanh toán phí đúng thời hạn của các kỳ thu phí.

Trường hợp nếu phát sinh tổn thất thuộc trách nhiệm của Bảo Long trong thời hạn Hợp đồng bảo hiểm, phí bảo hiểm phải được Người được bảo hiểm thanh toán hết

một lần cho cả thời hạn bảo hiểm trước khi Bảo Long thực hiện việc lập hồ sơ bồi thường, trừ trường hợp hai bên có thỏa thuận khác.

13. Giới hạn bồi thường

Tổng số tiền bồi thường của Bảo Long trong một vụ tai nạn là số tiền thực tế (không bao gồm các chi phí được quy định tại **Mục 15.2** Quy tắc này) Người được bảo hiểm phải chi trả để sửa chữa, khắc phục thiệt hại sau khi đã khấu trừ và/hoặc giảm trừ bồi thường (nếu có) và trong mọi trường hợp không vượt quá số tiền bảo hiểm ghi trên Hợp đồng bảo hiểm.

14. Mức khấu trừ

Mức khấu trừ là số tiền được ấn định trên Giấy chứng nhận bảo hiểm/Hợp đồng bảo hiểm mà Người được bảo hiểm phải tự gánh chịu trong mỗi và mọi vụ tổn thất.

14.1. Mức khấu trừ áp dụng đối với bảo hiểm vật chất xe tối thiểu là 500.000 (năm trăm nghìn) đồng/vụ tổn thất bộ phận.

14.2. Mức khấu trừ bảo hiểm trách nhiệm dân sự của chủ xe đối với hàng hóa trên xe là 0,5% mức trách nhiệm bảo hiểm Người được bảo hiểm đã tham gia nhưng tối thiểu không dưới 1.000.000 (một triệu) đồng/vụ (trừ trường hợp có thỏa thuận khác bằng văn bản).

PHẦN III. BẢO HIỂM VẬT CHẤT XE Ô TÔ

15. Phạm vi bảo hiểm

15.1. Bảo Long chịu trách nhiệm bồi thường cho Người được bảo hiểm những thiệt hại vật chất do thiên tai, tai nạn bất ngờ, không lường trước được trong những trường hợp sau:

- a) Đâm, va (bao gồm cả va chạm với vật thể khác ngoài xe cơ giới), lật, đổ, chìm, rơi toàn bộ xe, bị các vật thể khác rơi vào;
- b) Hỏa hoạn, cháy, nổ;
- c) Những tai họa bất khả kháng do thiên nhiên gây ra;
- d) Mất toàn bộ xe do trộm, cướp;
- e) Hành động ác ý cố tình phá hoại nhưng không phải của Người được bảo hiểm.

15.2. Ngoài số tiền sửa chữa, Bảo Long còn hoàn trả cho Người được bảo hiểm những chi phí cần thiết và hợp lý theo thỏa thuận tại Hợp đồng bảo hiểm để thực hiện các công việc theo yêu cầu và chỉ dẫn của Bảo Long khi xảy ra tổn thất (thuộc phạm vi bảo hiểm), bao gồm các chi phí:

- a) Chi phí ngăn ngừa hạn chế tổn thất phát sinh thêm;
- b) Chi phí cứu hộ và vận chuyển xe bị thiệt hại tới nơi sửa chữa gần nhất tối đa không vượt quá 10% số tiền bảo hiểm.

16. Loại trừ bảo hiểm

Bảo Long không chịu trách nhiệm bồi thường bảo hiểm trong các trường hợp sau:

- a) Vi phạm các điểm loại trừ quy định tại **Mục 8, Phần II** của Quy tắc này.
- b) Tổn thất của động cơ khi xe hoạt động trong khu vực bị ngập nước (trừ trường hợp Bên mua bảo hiểm có nhu cầu tham gia bảo hiểm điều khoản bảo hiểm bổ sung và đóng phí bảo hiểm bổ sung).
- c) Tổn thất đối với săm lốp, bạt thùng xe, nhãn mác, lọc gió, lọc khí và các thiết bị thay thế định kỳ tương tự, trừ trường hợp tổn thất xảy ra do cùng một nguyên nhân và đồng thời với các bộ phận khác của xe trong cùng một vụ tai nạn.
- d) Mất bộ phận của xe do bị trộm hoặc bị cướp (trừ trường hợp Bên mua bảo hiểm có nhu cầu tham gia bảo hiểm điều khoản bảo hiểm bổ sung và đóng phí bảo hiểm bổ sung).
- e) Mất toàn bộ xe trong trường hợp lừa đảo hoặc lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt xe (xe cho thuê hoặc xe cho mượn hoặc siết nợ hoặc tranh chấp), trừ trường hợp Bên mua bảo hiểm có nhu cầu tham gia bảo hiểm điều khoản bảo hiểm bổ sung và đóng phí bảo hiểm bổ sung.
- f) Thiệt hại xảy ra đối với máy móc, dụng cụ điện hay các bộ phận của thiết bị điện mà các thiệt hại đó có nguyên nhân là do chạy quá tải, quá áp lực, đoản mạch, tự đốt nóng, hồ quang điện hay rò điện do bất kỳ nguyên nhân nào (kể cả sét).
- g) Tổn thất về các thiết bị chuyên dùng được lắp trên xe ô tô chuyên dùng hoặc lắp thêm trên xe ô tô và/hoặc tổn thất về xe ô tô trong mọi trường hợp do hoạt động của các thiết bị chuyên dùng của chính xe ô tô gây ra (trừ trường hợp Bên mua bảo hiểm có nhu cầu tham gia bảo hiểm điều khoản bảo hiểm bổ sung và đóng phí bảo hiểm bổ sung).
- h) Tổn thất các thiết bị lắp thêm trên xe ngoài các thiết bị của nhà sản xuất đã lắp ráp và/hoặc tổn thất về xe ô tô do các thiết bị lắp thêm trên xe ngoài các thiết bị của nhà sản xuất đã lắp ráp gây ra.
- i) Cháy xe: Tự cháy do Người được bảo hiểm tự ý làm thay đổi chi tiết kỹ thuật của xe, do các thiết bị lắp thêm trên xe ngoài các thiết bị của nhà sản xuất đã lắp ráp gây ra, do hỏng hóc về động cơ, do lỗi cố ý của Người được bảo hiểm/Người điều khiển xe gây ra, xe đang trong giai đoạn bảo hành của nhà sản xuất mà nguyên nhân cháy do các sự cố về lỗi kỹ thuật, quá tải hay chạm điện, chập điện và các nguyên nhân tương tự khác.
- j) Đối với những tổn thất: Dầu bôi trơn, nước làm mát, nhiên liệu, gas lạnh (trừ trường hợp tổn thất xảy ra do nguyên nhân quy định tại **Mục 15 Phần III Quy tắc này**, Bảo Long sẽ giải quyết bồi thường và tính khấu hao theo quy định tại **Mục 3 Phụ lục 01**).

- k) Người được bảo hiểm tự ý thay đổi kết cấu của xe và chưa được Cơ quan Đăng kiểm chấp thuận nội dung thay đổi.

17. Số tiền bảo hiểm và giá trị của xe tham gia bảo hiểm

17.1. Số tiền bảo hiểm là số tiền mà Người được bảo hiểm yêu cầu Bảo Long bảo hiểm cho xe được bảo hiểm và được ghi trên Giấy chứng nhận bảo hiểm/Hợp đồng bảo hiểm và không lớn hơn giá trị thị trường của xe.

17.2. Bảo Long xác định giá trị thực tế của xe tham gia bảo hiểm theo giá thị trường tại thời điểm tham gia bảo hiểm có đối chiếu bảng giá xe tham khảo hàng năm của Bảo Long. Nếu bảng giá xe tham khảo của Bảo Long và thị trường không có giá trị xe cho loại xe có yêu cầu bảo hiểm thì xác định như sau:

- a) Đối với xe mới (100%), giá trị của xe là giá bán xe do các hãng sản xuất công bố hoặc giá xe nhập khẩu đã bao gồm tất cả các loại thuế theo quy định của Nhà nước.
- b) Đối với xe ô tô đã qua sử dụng, giá trị của xe là giá xe mới (100%) nhân (x) tỷ lệ (%) tối thiểu chất lượng còn lại của xe. Đối với xe nhập khẩu đã qua sử dụng, giá trị của xe là giá xe mới (100%) nhân (x) tỷ lệ (%) chất lượng còn lại được xác định trong tờ khai hải quan nhập khẩu.

Tỷ lệ (%) tối thiểu chất lượng còn lại của xe tham gia bảo hiểm được xác định như sau:

- (i). Thời gian đã sử dụng đến hết 01 năm: 100%;
- (ii). Thời gian đã sử dụng từ trên 01 năm đến hết 03 năm: 85%;
- (iii). Thời gian đã sử dụng từ trên 03 năm đến hết 06 năm: 70%;
- (iv). Thời gian đã sử dụng từ trên 06 năm đến hết 10 năm: 55%;
- (v). Thời gian đã sử dụng từ trên 10 năm: 40%.

Thời gian đã sử dụng của xe: là khoảng thời gian tính từ tháng đăng ký lần đầu tại Việt Nam đến tháng giao kết Hợp đồng bảo hiểm. Đối với xe nhập khẩu đã qua sử dụng ở nước ngoài, thì thời gian sử dụng tính từ tháng một của năm sản xuất đến tháng giao kết Hợp đồng bảo hiểm.

18. Giải quyết bồi thường

18.1. Bồi thường tổn thất bộ phận

- a) Bảo Long chịu trách nhiệm thanh toán chi phí thực tế hợp lý để sửa chữa, thay thế bộ phận (trường hợp không thể sửa chữa được do hư hỏng trên 75%, ngoại trừ những hạng mục ảnh hưởng đến độ an toàn của xe) hoặc trả bằng tiền cho Người được bảo hiểm để bù đắp tổn thất thuộc phạm vi bảo hiểm trên cơ sở xác định được chi phí hợp lý để sửa chữa, thay thế có thể phải trả sau khi áp dụng mức khấu trừ (nếu có).
- b) Cách xác định số tiền bồi thường:

- (i). Trường hợp xe được bảo hiểm dưới giá trị, số tiền bồi thường sẽ được tính theo tỷ lệ giữa số tiền bảo hiểm và giá trị thực tế của xe tại thời điểm tham gia bảo hiểm;
 - (ii). Trường hợp xe được bảo hiểm bằng hoặc trên giá trị, số tiền bồi thường bằng chi phí hợp lý để phục hồi, sửa chữa xe bị tổn thất;
 - (iii). Nếu Hợp đồng bảo hiểm không quy định xe được bảo hiểm theo Điều khoản bổ sung “Bảo hiểm thay thế mới”, Bảo Long sẽ xác định chi phí hợp lý để thay thế mới bộ phận hư hỏng bằng chi phí thay thế thực tế trừ đi số tiền khấu hao tính theo tỷ lệ khấu hao được quy định tại **Phụ lục 01** của Quy tắc này.
- c) Bảo Long bồi thường chi phí sơn lại toàn bộ xe nếu trên 50% diện tích sơn của xe bị hư hỏng do tổn thất và tính toán bồi thường theo nguyên tắc được quy định tại **Mục 18.1.b Phần III** Quy tắc bảo hiểm này.

18.2. Bồi thường tổn thất toàn bộ

- a) Xe được bảo hiểm được coi là tổn thất toàn bộ trong các trường hợp sau:
- (i). Xe bị thiệt hại trên 75%; hoặc
 - (ii). Chi phí sửa chữa thiệt hại vượt quá 75% giá trị thị trường của xe tại thời điểm ngay trước khi xảy ra tổn thất; hoặc
 - (iii). Xe bị mất trộm, mất cướp khi có kết luận của cơ quan Công an đình chỉ điều tra hoặc đình chỉ khởi tố hình sự liên quan đến mất trộm, mất cướp của chính chiếc xe đó.
- b) Khi xảy ra tổn thất toàn bộ, Bảo Long thực hiện bồi thường bằng tiền theo giá trị thị trường của xe ngay trước khi xảy ra tổn thất sau khi đã khấu trừ và/hoặc giảm trừ bồi thường (nếu có) và Bảo Long có quyền thu hồi xe bị tổn thất.

18.3. Thu hồi tài sản sau bồi thường

Khi Bảo Long đã bồi thường tổn thất bộ phận hoặc toàn bộ xe thì bộ phận hư hỏng hoặc toàn bộ xe đó thuộc quyền sở hữu của Bảo Long, cụ thể:

- a) Đối với trường hợp bồi thường thay mới bộ phận, Bảo Long sẽ thu hồi bộ phận hư hỏng đã được trả tiền bồi thường thay mới (kể cả trường hợp trừ khấu hao).
- b) Đối với trường hợp bồi thường tổn thất toàn bộ, sau khi Bảo Long đã bồi thường toàn bộ xe thì chiếc xe bị tổn thất thuộc sở hữu của Bảo Long. Trường hợp tham gia bảo hiểm dưới giá trị thì Bảo Long thu hồi phần giá trị tương đương theo tỷ lệ tham gia bảo hiểm. Trường hợp Người được bảo hiểm có yêu cầu nhận lại chiếc xe bị tổn thất toàn bộ, Bảo Long sẽ giảm số tiền bồi thường tổn thất toàn bộ tương đương giá trị thu hồi chiếc xe bị tổn thất theo định giá của Bảo Long.

- c) Đối với trường hợp bồi thường xe bị mất trộm, mất cướp sau đó tìm được xe bị mất trộm, mất cướp thì Bảo Long được quyền sở hữu toàn bộ chiếc xe đó.
- d) Khi thực hiện bồi thường theo các **Mục 18.3.b** và **18.3.c Phần III** Quy tắc bảo hiểm này, Người được bảo hiểm phải thực hiện tất cả các thủ tục theo quy định của Pháp luật để chuyển giao quyền sở hữu xe bị tổn thất cho Bảo Long.

19. Giảm trừ bồi thường

19.1. Bảo Long được quyền giảm trừ bồi thường theo tỷ lệ trong các trường hợp sau:

- a) Giảm tối thiểu 10% số tiền bồi thường trong các trường hợp:
 - (i). Người được bảo hiểm/Người điều khiển xe không thực hiện việc thông báo tai nạn cho Bảo Long theo quy định tại **Mục 4.5 Phần II** của Quy tắc này;
 - (ii). Người được bảo hiểm/Người điều khiển xe không thực hiện đầy đủ các biện pháp cứu chữa, hạn chế thiệt hại về người và tài sản, bảo vệ hiện trường tổn thất và các biện pháp khác nhằm hạn chế, khắc phục thiệt hại;
 - (iii). Người được bảo hiểm/Người điều khiển xe dừng/đỗ trên địa hình dốc nhưng không sử dụng hệ thống phanh, chèn bánh để xe tự trôi gây tổn thất.
- b) Giảm tối thiểu 30% số tiền bồi thường trong các trường hợp:
 - (i). Người được bảo hiểm/Người điều khiển xe tự ý di chuyển, tháo gỡ tài sản khi chưa có ý kiến chấp thuận của Bảo Long (trừ trường hợp cần thiết để đảm bảo an toàn, đề phòng hạn chế thiệt hại về người và tài sản hoặc phải thi hành theo yêu cầu của cơ quan có thẩm quyền);
 - (ii). Người được bảo hiểm/Người điều khiển xe điều khiển xe chạy quá tốc độ đến 50% tốc độ cho phép theo quy định của cơ quan nhà nước có thẩm quyền.
- c) Giảm 50% đến 100% số tiền bồi thường tùy theo mức độ lỗi của Người được bảo hiểm/Người điều khiển xe trong các trường hợp:
 - (i). Người được bảo hiểm từ chối chuyển quyền cho Bảo Long, không bảo lưu hoặc từ bỏ quyền yêu cầu người thứ ba bồi thường;
 - (ii). Người được bảo hiểm tự động sửa chữa xe khi chưa được Bảo Long hoàn tất Biên bản giám định chi tiết thiệt hại;
- d) Giảm số tiền bồi thường tương ứng với tỷ lệ % chở quá trọng tải, số người (từ 10% đến dưới 50%, không bao gồm trẻ em dưới 07 tuổi) được thể hiện trong Giấy chứng nhận kiểm định an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường phương tiện giao thông cơ giới đường bộ.

- e) Giảm một phần tối đa 95% số tiền bồi thường trong trường hợp Người được bảo hiểm không trung thực trong việc cung cấp các thông tin, tài liệu, chứng từ trong hồ sơ bồi thường; không tạo điều kiện cho Bảo Long trong quá trình xác minh tính chân thực của các thông tin, tài liệu, chứng từ đó.
- f) Giảm số tiền bồi thường theo tỷ lệ giữa số phí thực nộp và số phí phải nộp theo quy định trong các trường hợp sau:
 - (i). Người được bảo hiểm khai báo hoặc kê khai thông tin yêu cầu bảo hiểm không đầy đủ, trung thực (không đúng mục đích sử dụng của xe, không đúng năm sản xuất,...) dẫn đến thu thiếu phí bảo hiểm so với quy định của Bảo Long;
 - (ii). Người được bảo hiểm không thông báo cho Bảo Long về những thay đổi dẫn đến sự gia tăng mức độ rủi ro hoặc số tiền bảo hiểm để bổ sung phí bảo hiểm với điều kiện các rủi ro này vẫn có thể được bảo hiểm (như chuyển đổi mục đích sử dụng, hoán cải, nâng cấp,...).

PHẦN IV. BẢO HIỂM TỰ NGUYỆN TRÁCH NHIỆM DÂN SỰ CỦA CHỦ XE

A. Bảo hiểm trách nhiệm dân sự của chủ xe đối với người thứ ba và hành khách trên xe

20. Đối tượng được bảo hiểm

Người được bảo hiểm đã tham gia bảo hiểm bắt buộc trách nhiệm dân sự theo quy định hiện hành của Bộ Tài chính tại Bảo Long.

21. Phạm vi bảo hiểm

- 21.1.** Thiệt hại về thân thể và tính mạng của hành khách theo hợp đồng vận chuyển hành khách do xe ô tô gây ra.
- 21.2.** Thiệt hại ngoài hợp đồng về thân thể, tính mạng và tài sản đối với bên thứ ba do xe ô tô gây ra.

22. Nguyên tắc bồi thường

Bảo hiểm tự nguyện trách nhiệm dân sự chỉ phát sinh trách nhiệm khi số tiền bồi thường thực tế của chủ xe vượt quá mức trách nhiệm bảo hiểm bắt buộc trách nhiệm dân sự và thuộc phạm vi trách nhiệm bảo hiểm:

- 22.1.** Bảo Long sẽ bồi thường cho chủ xe số tiền mà chủ xe đã bồi thường hoặc sẽ phải bồi thường cho người bị thiệt hại trong trường hợp số tiền vượt quá mức trách nhiệm được bồi thường theo quy định bảo hiểm bắt buộc trách nhiệm dân sự hiện hành của Bộ Tài chính. Tuy nhiên, trong mọi trường hợp, số tiền bồi thường không vượt quá mức trách nhiệm tham gia bảo hiểm hoặc không vượt quá số tiền thực tế Người được bảo hiểm phải bồi thường cho nạn nhân hoặc theo hòa giải dân sự hoặc quyết định của Tòa án tùy theo số tiền nào thấp hơn sẽ được áp dụng.

22.2. Số tiền bồi thường căn cứ vào mức độ lỗi của Người được bảo hiểm/Người điều khiển xe.

22.3. Giải quyết bồi thường

- a) Thiệt hại về người: xác định theo tỷ lệ phần trăm nêu trong Bảng tỷ lệ trả tiền bảo hiểm thương tật theo quy định tại **Phụ lục 03** của Quy tắc này hoặc theo số tiền thực tế Người được bảo hiểm phải bồi thường cho nạn nhân hoặc theo hòa giải dân sự hoặc theo quyết định của Tòa án tùy theo số tiền nào thấp hơn sẽ được áp dụng **sau khi trừ đi** số tiền bồi thường đã được chi trả cho chủ xe theo bảo hiểm bắt buộc trách nhiệm dân sự.
- b) Thiệt hại về tài sản: xác định theo thiệt hại thực tế hoặc theo hòa giải dân sự hoặc quyết định của Tòa án tùy theo số tiền nào thấp hơn sẽ được áp dụng **sau khi trừ đi** số tiền bồi thường đã được chi trả cho chủ xe theo bảo hiểm bắt buộc trách nhiệm dân sự.
- c) Các chi phí thực tế, hợp lý nhằm ngăn ngừa, hạn chế tổn thất, chi phí pháp lý liên quan đến vụ tai nạn với sự chấp thuận của Bảo Long.

23. Loại trừ bảo hiểm

Bảo Long không nhận bảo hiểm và không chịu trách nhiệm bồi thường thiệt hại về hành khách do các nguyên nhân sau:

- a) Vi phạm các điểm loại trừ quy định tại **Mục 8 Phần I** của Quy tắc này.
- b) Hành khách bị cảm, trúng gió đột ngột, bệnh tật (bao gồm cả bệnh truyền nhiễm), ngộ độc thức ăn, đồ uống, sử dụng thuốc không đúng chỉ dẫn của cơ quan y tế
- c) Thiệt hại đối với tài sản bị mất cắp hoặc bị cướp trong tai nạn.
- d) Lái xe gây tai nạn cố ý bỏ chạy không thực hiện trách nhiệm dân sự của chủ xe, lái xe.

B. Bảo hiểm trách nhiệm dân sự của chủ xe đối với hàng hóa trên xe

24. Phạm vi bảo hiểm

Bảo Long nhận bảo hiểm trách nhiệm dân sự của chủ xe ô tô đối với hàng hoá vận chuyển trên xe theo hợp đồng vận chuyển giữa Người được bảo hiểm và chủ hàng trong phạm vi lãnh thổ nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam.

24.1. Trong phạm vi mức trách nhiệm bảo hiểm ghi trên Giấy chứng nhận bảo hiểm, Bảo Long sẽ thanh toán cho Người được bảo hiểm số tiền mà Người được bảo hiểm phải bồi thường theo quy định của Bộ Luật Dân sự, trừ những trường hợp không thuộc trách nhiệm quy định tại **Mục 25 Phần IV** dưới đây.

24.2. Bảo Long còn thanh toán cho Người được bảo hiểm các chi phí cần thiết và hợp lý do tai nạn thuộc phạm vi bảo hiểm nhằm:

- a) Ngăn ngừa, giảm nhẹ tổn thất cho hàng hoá.

- b) Xếp dỡ, lưu kho, lưu bãi hàng hoá trong quá trình vận chuyển do hậu quả của tai nạn.
- c) Giám định tổn thất.

24.3. Ngoài ra, Bảo Long mở rộng phạm vi bồi thường trong trường hợp hàng hoá của chính Người được bảo hiểm.

25. Loại trừ bảo hiểm

Bảo Long không nhận bảo hiểm và không chịu trách nhiệm bồi thường thiệt hại về hàng hoá trong các trường hợp sau:

- a) Vi phạm các điểm loại trừ quy định tại **Mục 8 Phần I** của Quy tắc này.
- b) Người được bảo hiểm/Người điều khiển xe thiếu trách nhiệm trong việc trông coi, bảo quản hàng hoá.
- c) Xe ô tô không thích hợp cho loại hàng hóa chuyên chở theo quy định của pháp luật.
- d) Hàng bị thiếu, mất cắp, trộm cướp (trừ trường hợp mất hàng hoá cùng mất toàn bộ xe do xe bị trộm cắp, bị cướp).
- e) Tổn thất hàng hoá do sự bất giữ của cơ quan chức năng Nhà Nước.
- f) Tổn thất hàng hoá do bị xô lệch, va đập trong quá trình vận chuyển mà không phải do xe đâm va, lật đổ.
- g) Hàng hoá hư hỏng tự nhiên, hư hỏng do không đủ phẩm chất, do bao bì đóng gói, chất xếp hàng không đúng yêu cầu kỹ thuật.
- h) Giao hàng chậm trễ (trừ chậm trễ do tai nạn), giao không đúng người nhận, giao thiếu hoặc sai loại, sai quy cách, sai mã ký hiệu.
- i) Hàng hóa bị cháy không do lỗi của Người được bảo hiểm/Người điều khiển xe. Súc vật sống bị ốm chết do thời tiết, dịch bệnh hoặc bị kiểm dịch.

PHẦN V. BẢO HIỂM TAI NẠN LÁI PHỤ XE VÀ NGƯỜI NGỒI TRÊN XE

26. Đối tượng bảo hiểm

Đối tượng bảo hiểm theo loại hình bảo hiểm này bao gồm: lái, phụ xe, người áp tải và những người được chở trên xe.

27. Phạm vi bảo hiểm

Tai nạn gây ra thiệt hại về thân thể đối với lái xe và những người được chở trên xe khi đang ở trên xe, lên xuống xe trong quá trình xe đang tham gia giao thông.

28. Loại trừ bảo hiểm

Bảo Long không chịu trách nhiệm đối với những thiệt hại về thân thể của người được được bảo hiểm trong các trường hợp sau:

- a) Vi phạm các điểm loại trừ quy định tại **Mục 8 Phần I** của Quy tắc này (ngoại trừ các điểm i, j, k, l, m).
- b) Người được bảo hiểm tham gia đánh nhau trừ khi được xác nhận đó là hành động tự vệ.
- c) Người được bảo hiểm bị cảm, trúng gió đột ngột, bệnh tật (bao gồm cả bệnh truyền nhiễm), ngộ độc thức ăn, đồ uống, sử dụng thuốc không đúng chỉ dẫn của cơ quan y tế.

29. Quyền lợi của Người được bảo hiểm

29.1 Trường hợp đối tượng bảo hiểm tử vong do tai nạn thuộc phạm vi trách nhiệm bảo hiểm, Bảo Long chi trả toàn bộ số tiền bảo hiểm ghi trên Giấy chứng nhận bảo hiểm.

29.2 Trường hợp Người được bảo hiểm bị thương tật thân thể, Bảo Long chi trả quyền lợi bảo hiểm theo tỷ lệ phần trăm của Số tiền bảo hiểm nêu trong Bảng tỷ lệ trả tiền bảo hiểm thương tật theo quy định tại Phụ lục 03 của Quy tắc này hoặc theo chi phí điều trị hợp lý thực tế tùy theo số tiền nào thấp hơn sẽ được áp dụng.

29.3 Nếu tại thời điểm xảy ra tai nạn, số người thực tế (không bao gồm trẻ em dưới 07 tuổi) lớn hơn số người được bảo hiểm ghi trên Giấy chứng nhận bảo hiểm thì số tiền bồi thường sẽ chi trả theo tỷ lệ giữa số người được bảo hiểm và số người thực tế trên xe tại thời điểm xảy ra tai nạn.

29.4 Trường hợp hậu quả của tai nạn thuộc phạm vi trách nhiệm bảo hiểm bị trầm trọng hơn do bệnh tật hoặc sự tàn tật sẵn có của Người được bảo hiểm hoặc điều trị vết thương không kịp thời và không theo chỉ dẫn của Cơ quan y tế, Bảo Long chi trả quyền lợi bảo hiểm như đối với loại vết thương tương tự ở người có sức khỏe bình thường được điều trị một cách hợp lý.

29.5 Trường hợp đa vết thương ở cùng một bộ phận, tổng số tiền chi trả cho các vết thương không vượt quá tỷ lệ mất bộ phận đó tại Bảng tỷ lệ trả tiền bảo hiểm thương tật quy định tại **Phụ lục 03** của Quy tắc này.

30. Trả tiền bảo hiểm

Số tiền chi trả bảo hiểm được trả cho Người được bảo hiểm hoặc Người đại diện hợp pháp của Người được bảo hiểm

TỔNG GIÁM ĐỐC

PHAN QUỐC DŨNG

PHỤ LỤC 01

BẢNG TỶ LỆ KHẤU HAO BỘ PHẬN

(Ban hành kèm theo Quy tắc bảo hiểm vật chất Xe ô tô)

1. Đối với các loại xe thông dụng

- a) Xe có niên hạn sử dụng từ 01 năm đến 03 năm không tính khấu hao sử dụng;
- b) Xe có niên hạn sử dụng từ 04 năm đến 06 năm tính khấu hao sử dụng 15%;
- c) Xe có niên hạn sử dụng từ 07 năm đến 10 năm tính khấu hao sử dụng 25%;
- d) Xe có niên hạn sử dụng trên 10 năm tính khấu hao sử dụng 35%;

2. Đối với các loại xe khác: Đầu kéo, Taxi, xe cho thuê tự lái, xe khách liên tỉnh

Mức tính khấu hao tất cả các bộ phận là 150% so với các mức khấu hao của các loại xe thông dụng tại **Mục 1 Phụ lục 01**. Đối với những xe sử dụng từ 01 năm đến dưới 03 năm áp dụng khấu hao 15%. Đối với những xe sử dụng dưới 01 năm không tính khấu hao.

3. Quy định khác

Một số bộ phận như: Săm lốp (vỏ), ắc quy, bạt phủ (thùng xe tải) hoặc những bộ phận thay thế theo định kỳ như: Gioăng, phốt, lọc gió, lọc dầu, lọc xăng, vòng bi,... bị hư hỏng do tai nạn thuộc phạm vi bảo hiểm phải tính khấu hao giá trị đã sử dụng tối đa không quá 50%.

Lưu ý:

- (i). Số năm để tính khấu hao được xác định kể từ năm sản xuất của xe.
- (ii). Trường hợp phụ tùng thay thế mới đã được thay thế một lần thì thời gian tính khấu hao tính từ thời điểm thay thế gần nhất đến khi bị tổn thất (tuy nhiên lần thay thế trước phải là thay thế mới và có đầy đủ chứng từ để chứng minh việc thay thế mới này).

PHỤ LỤC 02 CÁC ĐIỀU KHOẢN BỔ SUNG

(Ban hành kèm theo Quy tắc bảo hiểm vật chất Xe ô tô)

Người được bảo hiểm có quyền lựa chọn tham gia thêm một hay nhiều điều khoản bổ sung được quy định trong **Phụ lục 02** và phải tuân theo các quy định điều khoản, điều kiện, các điểm loại trừ của Quy tắc này.

Người được bảo hiểm chỉ được tham gia điều khoản bổ sung khi đang tham gia bảo hiểm vật chất xe còn hiệu lực bảo hiểm tại Bảo Long. Điều khoản bổ sung chỉ áp dụng cho toàn bộ xe tham gia bảo hiểm vật chất, không áp dụng riêng cho từng bộ phận xe.

Thời hạn của điều khoản bổ sung không vượt quá thời hạn bảo hiểm vật chất xe đang còn hiệu lực.

Trên cơ sở Người được bảo hiểm yêu cầu và đã đóng thêm phí bảo hiểm bổ sung theo quy định, Bảo Long nhận bảo hiểm bổ sung vào Hợp đồng bảo hiểm các điều khoản bổ sung riêng biệt sau đây:

1. Bảo hiểm xe không có Giấy chứng nhận kiểm định an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường - BS 01

Quyền lợi bảo hiểm: Bảo Long sẽ bảo hiểm cho xe được bảo hiểm không có Giấy chứng nhận kiểm định an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường do đặc thù hoạt động của xe được bảo hiểm (xe hoạt động trong khu công nghiệp, nội cảng, sân bay, công trường, hầm mỏ...) với điều kiện xe không tham gia giao thông trên đường và phải có xác nhận bằng văn bản của Bảo Long.

Lưu ý: Các xe tham gia giao thông bắt buộc phải có Giấy chứng nhận kiểm định an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường theo quy định pháp luật.

2. Bảo hiểm thay thế mới (không khấu hao khi thay mới) - BS 02

Quyền lợi bảo hiểm: Bảo Long sẽ bồi thường các bộ phận bị hư hỏng cần phải thay thế thuộc phạm vi bảo hiểm mà không trừ phần hao mòn (khấu hao) sử dụng theo **Phụ lục 01** của **Quy tắc này**.

3. Bảo hiểm gián đoạn sử dụng xe (thuê xe trong thời gian sửa chữa) - BS 03

3.1. Quyền lợi bảo hiểm:

a) Bảo Long sẽ thanh toán cho Người được bảo hiểm chi phí thuê xe sử dụng trong thời gian sửa chữa do tổn thất thuộc phạm vi trách nhiệm bảo hiểm, không tính thời gian xe bị cơ quan chức năng giữ.

b) Chi phí thuê xe được thanh toán: Chi phí thuê xe cùng công năng sử dụng, chủng loại tương tự chiếc xe được bảo hiểm của Người được bảo hiểm; Bảo Long sẽ thanh toán 80% chi phí thuê xe thực tế, không quá số tiền quy định trong Hợp đồng bảo hiểm. Thời gian thanh toán chi phí thuê xe tối đa không quá: 30 ngày/năm bảo hiểm.

3.2. Mức khấu trừ: Chi phí thuê xe 04 ngày kể từ ngày xe được đưa vào sửa chữa.

4. Bảo hiểm lựa chọn cơ sở sửa chữa - BS 04

4.1. Lựa chọn cơ sở sửa chữa chính hãng/cơ sở được ủy quyền chính hãng tại Việt Nam - BS 04a

Quyền lợi bảo hiểm: Các bên thỏa thuận và đồng ý rằng khi xe được bảo hiểm xảy ra tổn thất thuộc phạm vi bảo hiểm thì:

- a) Người được bảo hiểm được lựa chọn cơ sở sửa chữa chính hãng/cơ sở được ủy quyền của chính hãng tại Việt Nam.
- b) Bảo Long sẽ thực hiện đấu giá/chào giá giữa các cơ sở sửa chữa tương đương khi tổn thất trên 50 triệu đồng.

4.2. Lựa chọn sửa chữa ngoài cơ sở sửa chữa chính hãng/cơ sở được ủy quyền chính hãng tại Việt Nam - BS 04b

Quyền lợi bảo hiểm: Các bên thỏa thuận và đồng ý rằng khi xe được bảo hiểm xảy ra tổn thất thuộc phạm vi bảo hiểm thì:

- a) Người được bảo hiểm được lựa chọn cơ sở sửa chữa trong hoặc ngoài hệ thống liên kết với Bảo Long (không bao gồm các cơ sở sửa chữa chính hãng/cơ sở được ủy quyền chính hãng tại Việt Nam). Danh sách garage liên kết được đăng tải trên website của Bảo Long.
- b) Người được bảo hiểm không phải đóng phí bảo hiểm bổ sung.
- c) Chi phí sửa chữa theo mức giá phụ tùng, đồng sơn của các garage liên kết với Bảo Long.
- d) Bảo Long bảo lãnh thanh toán chi phí sửa chữa khi sửa chữa tại garage liên kết.

5. Bảo hiểm vật chất đối với xe tạm nhập - BS 05

5.1. Điều kiện xe tham gia bảo hiểm: Xe được phép tạm nhập vào Việt Nam để sử dụng theo quy định của pháp luật.

5.2. Quyền lợi bảo hiểm:

- a) **Trường hợp xe bị tổn thất bộ phận:** Bảo Long bồi thường chi phí thực tế hợp lý để sửa chữa, thay thế (trường hợp không thể sửa chữa được) bộ phận hoặc trả bằng tiền cho Người được bảo hiểm để bù đắp tổn thất thuộc phạm vi bảo hiểm nhưng tổng số tiền bồi thường tổn thất bộ phận/vụ tổn thất không vượt quá số tiền bảo hiểm ghi trên Hợp đồng bảo hiểm.
- b) **Trường hợp xe bị tổn thất toàn bộ:** Bảo Long thực hiện bồi thường bằng tiền theo giá trị thị trường của xe ngay trước khi xảy ra tổn thất sau khi đã khấu trừ và/hoặc giảm trừ bồi thường (nếu có) và Bảo Long có quyền

thu hồi xe bị tổn thất. Trong mọi trường hợp không vượt quá số tiền bảo hiểm ghi trên Hợp đồng bảo hiểm.

5.3. Điều kiện bồi thường: Xe phải được sửa chữa trong phạm vi lãnh thổ Việt Nam.

6. Bảo hiểm vật chất xe ô tô lưu hành tạm thời ngoài lãnh thổ Việt Nam - BS 06

6.1. Điều kiện xe tham gia bảo hiểm: Xe ô tô có Giấy chứng nhận đăng ký xe do cơ quan có thẩm quyền tại Việt Nam cấp và có Giấy phép lưu hành được cấp bởi cơ quan có thẩm quyền của các quốc gia mà xe được bảo hiểm lưu hành tạm thời.

6.2. Phạm vi địa lý: Trung Quốc, Lào, Campuchia, Thái Lan và các quốc gia khác nếu được Bảo Long chấp thuận.

6.3. Loại trừ bảo hiểm: Mất xe do bị trộm hoặc cướp tại các quốc gia tham gia bảo hiểm (ngoài lãnh thổ Việt Nam).

7. Bảo hiểm xe bị mất trộm, cướp bộ phận - BS 07

7.1. Quyền lợi bảo hiểm: Các bên thỏa thuận và đồng ý rằng khi Người được bảo hiểm tham gia bảo hiểm mất trộm, cướp bộ phận, Bảo Long sẽ giải quyết bồi thường khi có xác nhận của Cơ quan Công an trong các trường hợp:

- a) Xe đỗ tại bãi giữ xe, nơi đậu xe đúng quy định của pháp luật;
- b) Xe đỗ trong khuôn viên cơ quan, trong nhà, garage;
- c) Bị cướp khi có mặt Người được bảo hiểm/Người điều khiển xe và/hoặc khi xe đang lưu thông trên đường;

Bảo Long sẽ trả tiền bồi thường cho Người được bảo hiểm các chi phí thay thế thực tế các trường hợp mất trộm, cướp bộ phận của xe;

Điều khoản mở rộng này chấm dứt ngay khi chiếc xe đó bị tổn thất 01 lần/xe/năm do mất trộm, cướp bộ phận đã được Bảo Long bồi thường.

7.2. Mức khấu trừ: 10% Số tiền bồi thường/vụ tổn thất hoặc 1.000.000 đồng/vụ tổn thất (tùy theo số tiền nào lớn hơn sẽ được chọn).

8. Bảo hiểm tổn thất của động cơ khi xe hoạt động trong khu vực bị ngập nước (Thủy kích) - BS 08

8.1. Quyền lợi bảo hiểm: Các bên thỏa thuận và đồng ý rằng khi xe ô tô tham gia bảo hiểm thiệt hại vật chất xe bị thiệt hại động cơ do lỗi vô ý của Người được bảo hiểm/Người điều khiển xe (rủi ro bất ngờ) đi vào đường ngập nước và/hoặc vì có nước lọt vào trong động cơ gây ra hiện tượng thủy kích làm hư hỏng động cơ xe thì được Bảo Long bồi thường.

8.2. Loại trừ bảo hiểm: Trường hợp xe bị ngập nước đã chết máy hoặc dừng hoạt động mà Người điều khiển xe nổ máy trở lại gây thiệt hại.

8.3. Mức khấu trừ: 10% số tiền bồi thường/vụ tổn thất hoặc 3.000.000 đồng/vụ tổn thất (tùy theo số tiền nào lớn hơn sẽ được chọn).

9. Bảo hiểm vật chất xe ô tô lưu hành tạm thời - BS 09

- 9.1. Điều kiện xe tham gia bảo hiểm:** Áp dụng cho xe mới xuất xưởng và xe nhập khẩu từ kho, cảng hoặc trong quá trình xe đi từ nơi bán đến nơi đăng ký, đăng kiểm, nộp thuế trước bạ. Trong mọi trường hợp, xe được bảo hiểm phải có Giấy chứng nhận đăng ký xe tạm thời được cấp bởi cơ quan nhà nước có thẩm quyền.
- 9.2. Quyền lợi bảo hiểm:** Các bên thỏa thuận và đồng ý rằng, khi xe tham gia bảo hiểm vật chất xe thì Bảo Long sẽ trả tiền bồi thường cho Người được bảo hiểm các tổn thất, thiệt hại trực tiếp đối với xe ô tô lưu hành trong thời gian từ xưởng sản xuất hoặc từ nơi bán đến nơi giao nhận xe, hoặc từ kho Hải quan đến nơi giao nhận xe, hoặc từ nơi bán đến nơi làm các thủ tục nộp thuế trước bạ, đăng ký xe, đăng kiểm. Giấy chứng nhận bảo hiểm được ghi theo số khung và số máy của xe.
- 9.3. Thời hạn bảo hiểm:** Không quá thời hạn trên Giấy chứng nhận đăng ký xe tạm thời của cơ quan nhà nước có thẩm quyền.
- 9.4. Loại trừ bảo hiểm:** Xe bị tổn thất do lỗi kỹ thuật.

10. Bảo hiểm thiết bị chuyên dùng trên xe ô tô - BS 10

10.1. Quyền lợi bảo hiểm: Các bên thỏa thuận và đồng ý khi xe tham gia bảo hiểm theo điều khoản này, Bảo Long sẽ bồi thường cho Người được bảo hiểm những thiệt hại vật chất cho xe ô tô được bảo hiểm (bao gồm cả thiết bị chuyên dùng) xảy ra do những tai nạn bất ngờ không lường trước được trong quá trình vận hành, sử dụng của thiết bị chuyên dùng trên xe ô tô.

10.2. Loại trừ bảo hiểm:

- a) Các trường hợp quy định tại **Mục 8 Phần II và Mục 16 Phần III của Quy tắc này.**
- b) Các tổn thất hay thiệt hại do các hư hỏng về điện, hư hỏng cơ học, trục trặc cơ khí, đông đặc hay thiếu hụt của các chất làm mát, dầu nhớt hay các chất lỏng khác, nhưng nếu do hậu quả của sự cố hư hỏng hoặc trục trặc cơ khí nêu trên mà gây thiệt hại cho xe ô tô được bảo hiểm thì các thiệt hại đó sẽ được bồi thường, nhưng không bồi thường cho chính thiết bị chuyên dùng đó.
- c) Tổn thất hoặc hư hại đối với các phụ tùng dễ thay thế như các loại mũi khoan, dao, các loại lưỡi cắt khác, lưỡi cưa, khuôn dập, khuôn đúc, mô hình, bề mặt dùng để nghiền và ép, lưới chắn và lưới sàng, dây thừng, băng tải, dây truyền xích, băng tải nâng và chuyển tải, pin và ắc quy, dây nối và dây cáp, đường ống mềm, chất kết dính và bao bì thay thế thường xuyên được, trừ trường hợp hư hỏng do các nguyên nhân quy định tại **Mục 15 Phần III** của Quy tắc này.

- d) Tổn thất hoặc hư hại do hậu quả trực tiếp của các tác động liên tục trong quá trình hoạt động (Ví dụ: hao mòn thông thường, mài mòn, han rỉ, mục rữa do ít sử dụng và do điều kiện không khí bình thường).
- e) Tổn thất hoặc hư hại xảy ra trong khi chạy thử hoặc đang được sử dụng với mức độ hoặc vì mục đích khác với mức độ hoặc mục đích mà hạng mục đó đã được thiết kế.
- f) Tổn thất hoặc hư hại chỉ phát hiện được vào thời điểm kiểm kê hoặc khi bảo dưỡng định kỳ.
- g) Tổn thất hoặc hư hại do bất kỳ sai sót hoặc khuyết tật nào sẵn có mà Người được bảo hiểm hoặc đại diện của Người được bảo hiểm đã biết được vào thời điểm bắt đầu hiệu lực bảo hiểm, cho dù Bảo Long biết được hay không biết được về các sai sót hoặc khuyết tật đó và do lỗi của Nhà sản xuất.

10.3. Mức khấu trừ: 2% Số tiền bảo hiểm/vụ tổn thất hoặc 2.000.000 đồng/vụ tổn thất (tùy theo số tiền nào lớn hơn sẽ được chọn).

11. Điều khoản bổ sung khác

Ngoài các điều khoản bổ sung nêu trên, Bảo Long có thể thỏa thuận bảo hiểm theo các điều khoản bổ sung khác, trên cơ sở có yêu cầu bảo hiểm của Người được bảo hiểm và chấp thuận của Bảo Long.

PHỤ LỤC 03

QUY ĐỊNH BẢNG TỶ LỆ TRẢ TIỀN BẢO HIỂM THƯƠNG TẬT

(Được phê chuẩn kèm theo công văn số 12163/BTC-QLBH ngày 29/08/2014 của Bộ tài chính và Ban hành kèm theo Quyết định số 1453/2014/BHBL-QĐ-TGD-QLNV ngày 03 tháng 09 năm 2014 của Tổng giám đốc Tổng công ty Cổ phần Bảo hiểm Bảo Long)

THƯƠNG TẬT TOÀN BỘ

1. Mù hoặc mất hoàn toàn hai mắt100%
2. Rối loạn tâm thần hoàn toàn không thể chữa được100%
3. Hông toàn bộ chức năng nhai và nói100%
4. Mất hoặc liệt hoàn toàn 2 tay (từ vai hoặc khuỷu xuống) hoặc 2 chân (từ háng hoặc đầu gối xuống)100%
5. Mất cả 2 bàn tay hoặc 2 bàn chân, hoặc mất 1 cánh tay và 1 bàn chân, hoặc mất 1 cánh tay và 1 cẳng chân, hoặc 1 bàn tay và 1 cẳng chân, hoặc 1 bàn tay và 1 bàn chân100%
6. Cắt toàn bộ 1 bên phổi và 1 phần phổi bên kia100%
7. Mất hoàn toàn khả năng lao động mà không thể làm bất cứ việc gì (toàn bộ bị tê liệt, bị thương dẫn đến tình trạng nằm liệt giường hoặc dẫn đến tàn tật toàn bộ vĩnh viễn)100%

THƯƠNG TẬT BỘ PHẦN

Chi Trên

THƯƠNG TẬT VĨNH VIỄN

8. Mất 1 cánh tay từ vai xuống (tháo khớp vai)80%
9. Cắt cụt cánh tay từ dưới vai xuống75%
10. Cắt cụt 1 cánh tay từ khuỷu xuống (tháo khớp khuỷu)70%
11. Mất trọn 1 bàn tay hoặc cả 5 ngón tay65%
12. Mất đồng thời cả 4 ngón tay (trừ ngón cái)45%
13. Mất đồng thời cả ngón cái và ngón trỏ40%
14. Mất 3 ngón 3 - 4 - 532%
15. Mất ngón cái và 2 ngón khác37%
16. Mất ngón cái và 1 ngón khác32%
17. Mất ngón trỏ và 2 ngón khác37%
18. Mất ngón trỏ và 1 ngón giữa32%
19. Mất trọn ngón cái và đốt bàn27%
- Mất trọn ngón cái22%
- Mất cả đốt ngoài12%
- Mất ½ đốt ngoài08%
20. Mất ngón trỏ và đốt bàn22%
- Mất ngón trỏ20%
- Mất 2 đốt 2 và 310%
- Mất đốt 309%
21. Mất trọn ngón giữa hoặc ngón nhẫn (cả đốt bàn)20%
- Mất trọn ngón giữa hoặc ngón nhẫn17%
- Mất 2 đốt 2 và 310%
- Mất đốt 305%
22. Mất cả ngón út và đốt bàn17%
- Mất cả ngón út12%
- Mất 2 đốt 2 và 309%
- Mất đốt 305%
23. Cứng khớp bả vai30%
24. Cứng khớp khuỷu tay30%
25. Cứng khớp cổ tay30%

THƯƠNG TẬT TẠM THỜI

26. Gãy tay can lệch hoặc mất xương làm chi ngắn trên 3 cm và chức năng quay sấp ngửa hạn chế hoặc tạo thành khớp giả30%
27. Gãy xương cánh tay ở cổ giải phẫu, không phẫu thuật, can tốt, cử động bình thường15%

28. Gãy xương cánh tay ở cổ giải phẫu, không phẫu thuật, can xấu, hạn chế cử động khớp vai	30%
29. Gãy xương cánh tay ở cổ giải phẫu, có phẫu thuật, can tốt, cử động bình thường	25%
30. Gãy xương cánh tay ở cổ giải phẫu, có phẫu thuật, can xấu, hạn chế cử động khớp vai	40%
31. Gãy xương cánh tay, không phẫu thuật, can tốt, cử động bình thường	15%
32. Gãy xương cánh tay, có phẫu thuật, can tốt, cử động bình thường	25%
33. Gãy xương cánh tay, không phẫu thuật, can xấu, teo cơ	25%
34. Gãy xương cánh tay, có phẫu thuật, can xấu, teo cơ	30%
35. Gãy 2 xương cẳng tay, không phẫu thuật, can tốt, cử động bình thường	12%
36. Gãy 2 xương cẳng tay, có phẫu thuật, can tốt, cử động bình thường	18%
37. Gãy 2 xương cẳng tay, không phẫu thuật, can xấu, hạn chế cử động sấp ngửa	20%
38. Gãy 2 xương cẳng tay, có phẫu thuật, can xấu, hạn chế cử động sấp ngửa	25%
39. Gãy 1 xương quay hoặc trụ, không phẫu thuật, can tốt, cử động bình thường	10%
40. Gãy 1 xương quay hoặc trụ, có phẫu thuật, can tốt, cử động bình thường	15%
41. Gãy 1 xương quay hoặc trụ, không phẫu thuật, can xấu, hạn chế cử động sấp ngửa	15%
42. Gãy 1 xương quay hoặc trụ, có phẫu thuật, can xấu, hạn chế cử động sấp ngửa	20%
43. Gãy 2 xương cẳng tay, không phẫu thuật, di chứng khớp giả 2 xương	25%
44. Gãy 2 xương cẳng tay, có phẫu thuật, di chứng khớp giả 2 xương	35%
45. Gãy 2 xương cẳng tay, không phẫu thuật, di chứng khớp giả 1 xương	15%
46. Gãy 2 xương cẳng tay, có phẫu thuật, di chứng khớp giả 1 xương	25%
47. Gãy đầu dưới xương quay, không phẫu thuật, can tốt, cử động bình thường	10%
48. Gãy đầu dưới xương quay, có phẫu thuật, can tốt, cử động bình thường	14%
49. Gãy đầu dưới xương quay, không phẫu thuật, can xấu, hạn chế cử động tác cổ tay	15%
50. Gãy đầu dưới xương quay, có phẫu thuật, can xấu, hạn chế cử động tác cổ tay	18%
51. Gãy mỏm trâm quay hoặc trụ, không phẫu thuật, can tốt, cử động bình thường	08%
52. Gãy mỏm trâm quay hoặc trụ, có phẫu thuật, can tốt, cử động bình thường	10%
53. Gãy mỏm trâm quay hoặc trụ, không phẫu thuật, can xấu, hạn chế cử động tác cổ tay	12%
54. Gãy mỏm trâm quay hoặc trụ, có phẫu thuật, can xấu, hạn chế cử động tác cổ tay	15%
55. Gãy xương cổ tay, không phẫu thuật, can tốt, cử động bình thường	10%
56. Gãy xương cổ tay, có phẫu thuật, can tốt, cử động bình thường	13%
57. Gãy xương cổ tay, không phẫu thuật, can xấu, hạn chế cử động tác cổ tay	15%
58. Gãy xương cổ tay, có phẫu thuật, can xấu, hạn chế cử động tác cổ tay	18%
59. Gãy xương đốt bàn (tùy mức độ từ 1 đến nhiều đốt, mỗi đốt tăng thêm tương ứng 2%)	08 - 16%
60. Gãy xương đòn, không phẫu thuật, can tốt, cử động bình thường	08%
61. Gãy xương đòn, có phẫu thuật, can tốt, cử động bình thường	12%
62. Gãy xương đòn không phẫu thuật, can gờ, cứng vai	18%
63. Gãy xương đòn, có phẫu thuật, can gờ, cứng vai	25%
64. Gãy xương đòn, không phẫu thuật, có chèn ép thần kinh mũ vai	30%
65. Gãy xương đòn, có phẫu thuật, có chèn ép thần kinh mũ vai	35%
66. Gãy xương bả vai, gãy vỡ, khuyết phần thân xương, không phẫu thuật	10%
67. Gãy xương bả vai, gãy vỡ, khuyết phần thân xương, có phẫu thuật	15%
68. Gãy xương bả vai, gãy vỡ ngành ngang, không phẫu thuật	17%
69. Gãy xương bả vai, gãy vỡ ngành ngang, có phẫu thuật	22%
70. Gãy xương bả vai, gãy vỡ phần khớp vai, không phẫu thuật	30%
71. Gãy xương bả vai, gãy vỡ phần khớp vai, có phẫu thuật	40%
72. Gãy xương ngón tay (tùy mức độ từ 1 đến nhiều ngón, mỗi ngón tăng thêm tương ứng 3%)	03 - 12%

Chi Dưới

THƯƠNG TẬT VĨNH VIỄN

73. Mất 1 chân từ háng xuống (tháo khớp háng 1 đùi)	80%
74. Cắt cụt 1 đùi	
- 1/3 trên	75%
- 1/3 giữa hoặc dưới	65%
75. Cắt cụt 1 chân từ gối xuống (tháo khớp gối)	65%
76. Tháo khớp cổ chân hoặc mất 1 bàn chân	60%
77. Mất xương sên	37%
78. Mất xương gót	40%
79. Mất đoạn xương chày, mác gây khớp giả cẳng chân	40%

80. Mất đoạn xương mác	25%
81. Mất mắt cá chân	
- Mắt cá ngoài	12%
- Mắt cá trong	17%
82. Mất cả 5 ngón chân	50%
83. Mất 4 ngón cả ngón cái	42%
84. Mất 4 ngón trừ ngón cái	40%
85. Mất 3 ngón 3 - 4 - 5	27%
86. Mất 3 ngón 1 - 2 - 3	32%
87. Mất 1 ngón cái và ngón 2	22%
88. Mất 1 ngón cái	17%
89. Mất 1 ngón ngoài ngón cái	12%
90. Mất 1 đốt ngón cái	10%
91. Cứng khớp háng	50%
92. Cứng khớp gối	35%
93. Mất phần lớn xương bánh chè và giới hạn nhiều khả năng duỗi cẳng chân trên đùi	50%
94. Gãy chân can lệch hoặc mất xương làm ngắn chi	
- ít nhất 5 cm	42%
- từ 3 - 5 cm	37%
95. Liệt hoàn toàn dây thần kinh hông khoeo ngoài	40%
96. Liệt hoàn toàn dây thần kinh hông khoeo trong	30%

THƯƠNG TẬT TẠM THỜI

97. Gãy xương đùi 1/3 giữa hoặc dưới, không phẫu thuật, can tốt, cử động bình thường	20%
98. Gãy xương đùi 1/3 giữa hoặc dưới, có phẫu thuật, can tốt, cử động bình thường	30%
99. Gãy xương đùi 1/3 giữa hoặc dưới, không phẫu thuật, can xấu, trục lệch, chân dạng hoặc khép, teo cơ	30%
100. Gãy xương đùi 1/3 giữa hoặc dưới, có phẫu thuật, can xấu, trục lệch, chân dạng hoặc khép, teo cơ	40%
101. Gãy 1/3 trên hay cổ xương đùi, không phẫu thuật, can tốt, trục thẳng	25%
102. Gãy 1/3 trên hay cổ xương đùi, có phẫu thuật, can tốt, trục thẳng	35%
103. Gãy 1/3 trên hay cổ xương đùi, không phẫu thuật, can xấu, chân vẹo, đi đau, teo cơ	35%
104. Gãy 1/3 trên hay cổ xương đùi, có phẫu thuật, can xấu, chân vẹo, đi đau, teo cơ	45%
105. Gãy cổ xương đùi, không phẫu thuật, di chứng khớp giả cổ xương đùi	45%
106. Gãy cổ xương đùi, có phẫu thuật, di chứng khớp giả cổ xương đùi	55%
107. Gãy 2 xương cẳng chân, không phẫu thuật, can tốt, trục thẳng	20%
108. Gãy 2 xương cẳng chân, có phẫu thuật, can tốt, trục thẳng	25%
109. Gãy 2 xương cẳng chân, không phẫu thuật, can xấu, chân vẹo	25%
110. Gãy 2 xương cẳng chân, có phẫu thuật, can xấu, chân vẹo	30%
111. Gãy xương chày, không phẫu thuật, can tốt, trục thẳng	15%
112. Gãy xương chày, có phẫu thuật, can tốt, trục thẳng	18%
113. Gãy xương chày, không phẫu thuật, can xấu, chân vẹo	18%
114. Gãy xương chày, có phẫu thuật, can xấu, chân vẹo	22%
115. Gãy đoạn mâm chày, không phẫu thuật	15%
116. Gãy đoạn mâm chày, có phẫu thuật	25%
117. Gãy xương mác, không phẫu thuật	10%
118. Gãy xương mác, có phẫu thuật	20%
119. Đứt gân bánh chè, cơ năng khớp gối tốt	15%
120. Đứt gân bánh chè, hạn chế cơ năng khớp gối	25%
121. Gãy xương bánh chè, không phẫu thuật	10%
122. Gãy xương bánh chè, có phẫu thuật	20%
123. Gãy xương bánh chè không phẫu thuật, bị cứng khớp gối hoặc teo cơ tứ đầu	25%
124. Gãy xương bánh chè có phẫu thuật, bị cứng khớp gối hoặc teo cơ tứ đầu	25%
125. Đứt gân Achilles, cơ năng vùng gót chân tốt	15%
126. Đứt gân Achilles, cơ năng vùng gót chân bị hạn chế	20%
127. Gãy xương đốt bàn (tùy theo mức độ từ 1 đến nhiều đốt, mỗi đốt tương ứng 2%)	07 - 15%
128. Gãy xương gót, không phẫu thuật	15%
129. Gãy xương gót, có phẫu thuật	20%
130. Gãy xương ngón chân (tùy mức độ từ 1 đến nhiều đốt, mỗi đốt tương ứng 2%)	04 - 12%

131. Gãy ngành ngang xương mu, không dập niệu đạo.....	25%
132. Gãy ngành ngang xương mu, có dập niệu đạo.....	32%
133. Gãy ụ ngồi.....	25%
134. Gãy cánh xương chậu 1 bên, không điều trị chỉnh hình.....	20%
135. Gãy cánh xương chậu 1 bên, có điều trị chỉnh hình.....	30%
136. Gãy xương chậu 2 bên, liền xương tốt, không méo xương chậu.....	40%
137. Gãy xương chậu 2 bên, méo xương chậu ảnh hưởng đến sinh đẻ.....	55%
138. Gãy xương cùng, không phẫu thuật, không rối loạn cơ tròn.....	10%
139. Gãy xương cùng, có phẫu thuật, không rối loạn cơ tròn.....	15%
140. Gãy xương cùng, không phẫu thuật, có rối loạn cơ tròn.....	25%
141. Gãy xương cùng, có phẫu thuật, có rối loạn cơ tròn.....	35%

Cột Sống

THƯƠNG TẬT VĨNH VIỄN

142. Cắt bỏ cung sau của 1 đốt sống.....	35%
143. Cắt bỏ cung sau của 2 - 3 đốt sống trở lên.....	50%

THƯƠNG TẬT TẠM THỜI

144. Gãy xẹp thân 1 đốt sống, không phẫu thuật, không liệt tủy.....	30%
145. Gãy xẹp thân 1 đốt sống, có phẫu thuật, không liệt tủy.....	40%
146. Gãy xẹp thân 2 đốt sống trở lên, không phẫu thuật, không liệt tủy.....	50%
147. Gãy vỡ mồm gai hoặc mồm bên của 1 đốt sống, không phẫu thuật.....	10%
148. Gãy vỡ mồm gai hoặc mồm bên của 1 đốt sống, có phẫu thuật.....	17%
149. Gãy vỡ mồm gai hoặc mồm bên của 2 - 3 đốt sống, không phẫu thuật.....	25%
150. Gãy vỡ mồm gai hoặc mồm bên của 2 - 3 đốt sống, có phẫu thuật.....	45%

Sọ Não

THƯƠNG TẬT VĨNH VIỄN

151. Khuyết xương sọ, chưa có biểu hiện thần kinh, tâm thần, đường kính dưới 6 cm.....	30%
152. Khuyết xương sọ, chưa có biểu hiện thần kinh, tâm thần, đường kính từ 6 đến 10 cm.....	50%
153. Khuyết xương sọ, chưa có biểu hiện thần kinh, tâm thần, đường kính trên 10 cm.....	60%
154. Rối loạn ngôn ngữ do ảnh hưởng của vết thương đại não:	
- Nói ngọng, nói lắp, nói khó khăn ảnh hưởng đến giao tiếp.....	35%
- Không nói được (câm) do tổn hại vùng Broca.....	65%
- Mất khả năng giao dịch bằng chữ viết, mất nhận biết về ngôn ngữ do tổn hại vùng Werricke.....	60%

THƯƠNG TẬT TẠM THỜI

155. Lột da đầu toàn bộ (1 phần theo tỷ lệ).....	50%
156. Vết thương sọ não hở, xương bị nứt rạn.....	45%
157. Vết thương sọ não hở, lún xương sọ.....	45%
158. Vết thương sọ não hở, nhiều mảnh xương đi sâu vào não.....	55%
159. Chấn thương sọ não kín, gãy xương vòm sọ (đường rạn nứt thường, lõm hoặc lún xương), không điều trị phẫu thuật.....	20%
160. Chấn thương sọ não kín, gãy xương vòm sọ (đường rạn nứt thường, lõm hoặc lún xương), có điều trị phẫu thuật.....	30%
161. Chấn thương sọ não kín, gãy xương lan xuống nền sọ không liệt dây thần kinh ở nền sọ, không điều trị phẫu thuật.....	30%
162. Chấn thương sọ não kín, gãy xương lan xuống nền sọ không liệt dây thần kinh ở nền sọ, có điều trị phẫu thuật.....	40%
163. Chấn thương sọ não kín, gãy xương lan xuống nền sọ có liệt dây thần kinh ở nền sọ, không điều trị phẫu thuật.....	40%
164. Chấn thương sọ não kín, gãy xương lan xuống nền sọ có liệt dây thần kinh ở nền sọ, có điều trị phẫu thuật.....	50%
165. Chấn thương sọ não gây chấn động não.....	15%
166. Chấn thương sọ não gây phù não.....	50%
167. Chấn thương sọ não gây giập não, dẹp não.....	55%
168. Chấn thương sọ não gây chảy máu khoang dưới nhện.....	50%
169. Chấn thương sọ não gây máu tụ trong sọ (ngoài màng cứng, trong màng cứng, trong não).....	40%

Lồng Ngực

THƯƠNG TẬT VĨNH VIỄN

170. Cắt bỏ 1 - 2 xương sườn	17%
171. Cắt bỏ 3 xương sườn (mỗi xương sườn cắt bỏ trên 03 xương sườn tăng thêm 5%)	25%
172. Cắt bỏ đoạn mỗi xương sườn (mỗi đoạn xương sườn cắt bỏ thêm tăng 3%)	08%
173. Cắt toàn bộ 1 bên phổi	75%
174. Cắt nhiều thùy phổi ở 2 bên, dung tích sống giảm trên 50%	70%
175. Cắt nhiều thùy phổi ở 1 bên	55%
176. Cắt 1 thùy phổi	40%

THƯƠNG TẬT TẠM THỜI

177. Gãy 1 - 2 xương sườn, không phẫu thuật.....	07%
178. Gãy 1 - 2 xương sườn, có phẫu thuật.....	12%
179. Gãy 3 xương sườn trở lên, không phẫu thuật.....	15%
180. Gãy 3 xương sườn trở lên, có phẫu thuật.....	25%
181. Gãy xương ức đơn thuần, không phẫu thuật (chức năng tim và hô hấp bình thường)	15%
182. Gãy xương ức đơn thuần, có phẫu thuật (chức năng tim và hô hấp bình thường)	25%
183. Mẽ hoặc rạn nứt xương ức.....	12%
184. Trần dịch, khí, máu màng phổi (chỉ chọc hút đơn thuần)	08%
185. Trần khí, máu màng phổi (phải dẫn lưu, mổ cầm máu)	25%
186. Tổn thương các van tim, vách tim do chấn thương (chưa suy tim)	55%
187. Khâu màng ngoài tim, phẫu thuật kết quả hạn chế	65%
188. Khâu màng ngoài tim, phẫu thuật kết quả tốt	40%

Bụng

THƯƠNG TẬT VĨNH VIỄN

189. Cắt toàn bộ dạ dày.....	80%
190. Cắt đoạn dạ dày.....	55%
191. Cắt gần hết ruột non (còn lại dưới 1 m)	80%
192. Cắt đoạn ruột non	45%
193. Cắt toàn bộ đại tràng.....	80%
194. Cắt đoạn đại tràng	55%
195. Cắt bỏ gan phải đơn thuần	75%
196. Cắt bỏ gan trái đơn thuần	65%
197. Cắt ½ của một thùy gan	60%
198. Cắt 1/3 của một thùy gan	40%
199. Cắt dưới 1/3 của một thùy gan	30%
200. Cắt bỏ túi mật.....	50%
201. Cắt bỏ lá lách	45%
202. Cắt bỏ đuôi tụy, lách.....	65%

THƯƠNG TẬT TẠM THỜI

203. Khâu lỗ thủng dạ dày.....	30%
204. Khâu lỗ thủng ruột non (có thể 1 hay nhiều lỗ thủng)	35%
205. Khâu lỗ thủng đại tràng (có thể 1 hay nhiều lỗ thủng)	35%
206. Đụng dập gan, khâu gan	40%
207. Khâu vỡ lách	25%
208. Khâu tụy.....	32%

Cơ quan tiết niệu, sinh dục

THƯƠNG TẬT VĨNH VIỄN

209. Cắt bỏ 1 thận, thận còn lại bình thường	55%
210. Cắt bỏ 1 thận, thận còn lại bị tổn thương hoặc bệnh lý.....	75%
211. Cắt 1 phần thận trái hoặc phải	35%
212. Mất dương vật và 2 tinh hoàn ở người dưới 55 tuổi chưa con.....	75%
213. Mất dương vật và 2 tinh hoàn ở người dưới 55 tuổi đã có con rồi.....	60%
214. Mất dương vật và 2 tinh hoàn ở người trên 55 tuổi	40%
215. Cắt bỏ dạ con và buồng trứng 1 bên ở người dưới 45 tuổi chưa con	65%
216. Cắt bỏ dạ con và buồng trứng 1 bên ở người dưới 45 tuổi đã có con	35%

217. Cắt bỏ dạ con và buồng trứng 1 bên ở người trên 45 tuổi.....	27%
218. Cắt vú ở nữ dưới 45 tuổi 1 bên	25%
219. Cắt vú ở nữ dưới 45 tuổi 2 bên	50%
220. Cắt vú ở nữ trên 45 tuổi 1 bên	17%
221. Cắt vú ở nữ trên 45 tuổi 2 bên	35%
222. Cắt 1 phần bàng quang.....	30%

THƯƠNG TẬT TẠM THỜI

223. Chấn thương thận nhẹ (không phải xử lý đặc hiệu, theo dõi dưới 5 ngày).....	06%
224. Chấn thương thận trung bình (phải dùng thuốc đặc trị, theo dõi trên 5 ngày)	12%
225. Chấn thương thận nặng (có đụng dập, phải can thiệp ngoại khoa)	50%
226. Mổ thông bàng quang vĩnh viễn.....	75%
227. Khâu lỗ thủng bàng quang (có thể một hay nhiều lỗ thủng).....	32%

Mắt

THƯƠNG TẬT VĨNH VIỄN

228. Mất hoặc mù hoàn toàn 1 mắt, không lắp được mắt giả.....	60%
229. Mất hoặc mù hoàn toàn 1 mắt, lắp được mắt giả.....	55%
230. Một mắt thị lực còn đến 1/10	37%
231. Một mắt thị lực còn từ 2/10 đến 4/10	15%
232. Một mắt thị lực còn từ 5/10 đến 7/10	10%
233. Mất hoặc mù hoàn toàn 1 mắt nhưng trước khi xảy ra tai nạn này đã mất hoặc mù 1 mắt rồi	90%

Tai –Mũi – Họng

THƯƠNG TẬT VĨNH VIỄN

234. Điếc 2 tai hoàn toàn không phục hồi được	80%
235. Điếc 2 tai nặng (nói to hoặc thét vào tai còn nghe).....	65%
236. Điếc 2 tai vừa (nói to 1 - 2 m còn nghe)	40%
237. Điếc 2 tai nhẹ (nói to 2 - 4 m còn nghe)	20%
238. Điếc 1 tai hoàn toàn không phục hồi được	35%
239. Điếc 1 tai mức độ vừa.....	15%
240. Điếc 1 tai mức độ nhẹ	08%
241. Mất vành tai 2 bên	30%
242. Mất vành tai 1 bên	15%
243. Sẹo rúm vành tai, chít hẹp ống tai.....	20%
244. Mất mũi hoàn toàn.....	40%
245. Biến dạng mũi.....	18%
246. Vết thương họng sẹo hẹp ảnh hưởng đến nuốt.....	30%

Răng - Hàm - Mặt

THƯƠNG TẬT VĨNH VIỄN

247. Mất toàn bộ xương hàm trên và một phần xương hàm dưới từ cạnh cao trở xuống khác bên	85%
248. Mất toàn bộ xương hàm trên và một phần xương hàm dưới từ cạnh cao trở xuống cùng bên.....	75%
249. Mất toàn bộ xương hàm trên hoặc dưới.....	75%
250. Mất 1 phần xương hàm trên hoặc 1 phần xương hàm dưới từ 1/3 đến ½ bị mất từ cạnh cao trở xuống 40%	
251. Khớp hàm giả do không liền xương hay khuyết xương.....	22%
252. Mất răng trên 8 cái không lắp được răng giả	35%
253. Mất răng trên 8 cái lắp được răng giả	25%
254. Mất từ 5 đến 7 răng	20%
255. Mất từ 3 đến 4 răng	10%
256. Mất từ 1 đến 2 răng	04%
257. Mất ¾ lưỡi còn gốc lưỡi (từ đường gai V trở ra)	80%
258. Mất 2/3 lưỡi từ đầu lưỡi	55%
259. Mất 1/3 lưỡi ảnh hưởng đến phát âm	20%
260. Mất 1 phần nhỏ lưỡi (dưới 1/3) ảnh hưởng đến phát âm	10%

THƯƠNG TẬT TẠM THỜI

261. Gãy xương hàm trên và hàm dưới, không phẫu thuật, cơ năng các khớp tốt	20%
262. Gãy xương hàm trên và hàm dưới, có phẫu thuật, cơ năng các khớp tốt	25%

263. Gãy xương hàm trên và hàm dưới, không phẫu thuật, di chứng can xấu gây sai khớp nhai, ăn khó	30%
264. Gãy xương hàm trên và hàm dưới, có phẫu thuật, di chứng can xấu gây sai khớp nhai, ăn khó	35%
265. Gãy xương gò má, cung tiếp xương hàm trên hoặc xương hàm dưới gây rối loạn nhẹ khớp cắn và chức năng nhai	20%

Vết Thương Phần Mềm – Bỏng

THƯƠNG TẬT TẠM THỜI

266. Vết thương phần mềm (VTPM) là các vết cắt, chém bề rộng dưới 2 cm gây rách da, rách niêm mạc ... không ảnh hưởng đến cơ năng, chiều dài:

- Từ 2 cm – 4 cm	02%
- Từ 4 cm – 7 cm	03%
- Từ 7 cm – 10 cm	04%
- Từ 10 cm – 15 cm	05%
- Trên 15 cm	07%

267. Vết thương phần mềm là các tổn thương dập nát, không để lại di chứng, diện tích:

- Dưới 9 cm ²	02%
- Từ 9 cm ² đến 12 cm ²	03%
- Từ 12 cm ² đến 16 cm ²	04%
- Từ 16 cm ² đến 24 cm ²	06%
- Từ 24 cm ² đến 30 cm ²	08%
- Từ 30 cm ² đến 35 cm ²	10%
- Trên 35 cm ²	12%

(Nếu các vết thương trên do súc vật gây ra thì cộng thêm 1% vào tỷ lệ ở trên)

268. Vết thương phần mềm gây bong gân ở các khớp cổ chân, khớp gối, khớp háng, khớp cổ tay, khớp khuỷu, khớp vai

269. Vết thương phần mềm gây trật khớp ở các khớp bàn ngón tay và bàn ngón chân

270. Vết thương phần mềm gây trật khớp ở các khớp cổ chân, khớp gối, khớp háng, khớp cổ tay, khớp khuỷu, khớp vai

271. Bỏng nông (độ I, độ II)

- diện tích dưới 5%	04%
- diện tích từ 5 - 15%	12%
- diện tích trên 15%	20%

272. Bỏng sâu (độ III, độ IV)

- diện tích dưới 5%	22%
- diện tích từ 5 - 15%	40%
- diện tích trên 15%	70%

THƯƠNG TẬT VĨNH VIỄN

273. VTPM như nêu trong các mục 266, 267 để lại di chứng đau, rát, tê, co, kéo lâu dài sau khi liền vết thương: cộng thêm 5% vào các tỷ lệ tương ứng ở trên

274. VTPM như nêu trong các mục 266, 267 ảnh hưởng đến mạch máu lớn, thần kinh: cộng thêm 10% vào các tỷ lệ tương ứng ở trên

275. VTPM như nêu trong các mục 266, 267 nhưng là vết thương ở ngực, bụng, sau khi liền vết thương để lại di chứng ảnh hưởng đến hô hấp: cộng thêm 20% vào các tỷ lệ tương ứng ở trên.

276. VTPM như nêu trong các mục 266, 267 để lại di chứng sẹo cơ cứng làm biến dạng mặt gây trở ngại đến ăn, nhai và cử động cổ: cộng thêm 30% vào các tỷ lệ tương ứng ở trên.

277. VTPM như nêu trong các mục 266, 267 để lại khuyết hồng lớn ở chung quanh hốc miệng, ảnh hưởng nhiều đến ăn uống: cộng thêm 35% vào các tỷ lệ tương ứng ở trên.

278. Mất 1 phần hàm ếch làm thông giữa mũi và miệng

NGUYÊN TẮC THANH TOÁN QUYỀN LỢI BẢO HIỂM

Việc thanh toán quyền lợi bảo hiểm theo bảng này tuân theo những nguyên tắc sau đây:

1. Mất hẳn chức năng của từng bộ phận hoặc hỏng vĩnh viễn chi được coi như mất từng bộ phận đó hoặc mất chi.

2. Những trường hợp thương tật không liệt kê trong bảng sẽ được bồi thường theo tỷ lệ trên cơ sở so sánh tính nghiêm trọng của nó với những trường hợp khác có trong bảng.
3. Trường hợp có nhiều thương tật, quyền lợi bảo hiểm được trả cho từng thương tật tương ứng nhưng tổng số tiền trả cho Người được bảo hiểm không vượt quá số tiền bảo hiểm. Trường hợp có nhiều thương tật ở cùng cùng một chi, tổng số tiền trả cho các thương tật không được vượt quá tỷ lệ mất chi đó.